

HÀ NHẬT THĂNG

MODULE TH

34

**CÔNG TÁC CHỦ NHIỆM LỚP
Ở TRƯỜNG TIỂU HỌC**



A. GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- Giáo viên chủ nhiệm (GVCN) trong trường phổ thông có vai trò rất quan trọng vì họ là đại diện của Hiệu trưởng, quản lí và tổ chức thực hiện giáo dục toàn diện HS ở một lớp học. GVCN có nhiệm vụ và nội dung hoạt động khác với các GV không làm chủ nhiệm lớp.
- GVCN lớp ở trường tiểu học là cầu nối giữa Hiệu trưởng (Ban giám hiệu) với tập thể và từng HS của một lớp học nên phải tham gia sinh hoạt của cả hai tập thể (tập thể các nhà sư phạm và tập thể HS một lớp học). GVCN vừa là một thầy cô giáo vừa là một nhà quản lí, vì vậy vừa phải giảng dạy những môn học được đào tạo và phải tổ chức chỉ đạo hoạt động toàn diện của tập thể HS.

Mọi hoạt động ở trường tiểu học (bán trú) của GVCN rất đa dạng, phong phú.

Học xong module này, học viên nắm vững được những vấn đề lí luận cơ bản về công tác chủ nhiệm lớp và yêu cầu đối với người GVCN ở trường tiểu học trong giai đoạn hiện nay.



B. MỤC TIÊU

1. MỤC TIÊU CHUNG

Học xong người học có thể:

- Hiểu và trình bày được vị trí, vai trò của GVCN ở trường phổ thông trong giai đoạn hiện nay.
- Nắm vững và thực hiện được những nhiệm vụ, chức năng của GVCN ở tiểu học; ở một mức độ nào đó, thấy sự khác biệt giữa GVCN ở tiểu học với GVCN ở trung học cơ sở (THCS), trung học phổ thông (THPT) và GVCN trước đây.
- Phân tích được vì sao phải thực hiện những nhiệm vụ, chức năng của GVCN ở trường phổ thông và tiểu học nói riêng trong hoàn cảnh hiện nay.
- Có ý thức phấn đấu, rèn luyện để có năng lực làm công tác chủ nhiệm.

2. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Về kiến thức

- Hiểu vị trí vai trò của GVCN ở trường phổ thông trong giai đoạn hiện nay.
- Hiểu đặc trưng nhiệm vụ, chức năng của GVCN ở tiểu học khác với GVCN ở THCS và THPT và khác với GVCN ở tiểu học trước đây ở chỗ nào.

2. Về kĩ năng

- Phân tích được các nhiệm vụ, chức năng của GVCN ở tiểu học.
- Lí giải được vì sao phải thực hiện những nhiệm vụ, chức năng của GVCN ở phổ thông nói chung và ở tiểu học nói riêng trong hoàn cảnh hiện nay.

3. Về thái độ

- Trên cơ sở hiểu biết vị trí, vai trò, chức năng, nhiệm vụ của GVCN ở tiểu học, mỗi GV (kể cả người chưa làm GVCN) có ý thức phấn đấu rèn luyện để có năng lực làm công tác chủ nhiệm.
- Module có thể làm tài liệu bồi dưỡng GV tiểu học, có thể làm tài liệu tham khảo cho các trường sư phạm có đào tạo GV tiểu học trong giai đoạn hiện nay.



C. NỘI DUNG

1. Nội dung tài liệu

Để đạt được mục tiêu đặt ra, tài liệu gợi ý để người học nắm vững những nội dung sau đây:

- Phân tích được mục tiêu của giáo dục tiểu học ngày nay được ghi trong Luật Giáo dục.
- Phân tích những đổi mới về tổ chức quản lí giáo dục ở tiểu học để xác định vị trí GVCN trong trường tiểu học.
- Nêu được chức năng, nhiệm vụ của GVCN ở tiểu học. Phân tích được cơ sở xác định chức năng, nhiệm vụ của GVCN, và ở chừng mực nhất định, thấy sự khác biệt chức năng, nhiệm vụ của GVCN ở tiểu học so với GVCN ở THCS và THPT.

2. Yêu cầu học tập

Muốn học tập tốt module này, người học cần phải thực hiện được một số yêu cầu sau đây:

- Tự nghiên cứu, nắm chắc đặc điểm tâm sinh lí HS tiểu học, nắm chắc những quy luật của quá trình phát triển nhân cách như các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nhân cách (bẩm sinh di truyền, hoàn cảnh, giáo dục và hoạt động cá nhân); các quá trình dạy học, giáo dục; mối quan hệ giữa giáo dục và tự giáo dục, quan hệ giữa thầy và trò, những xu thế đổi mới giáo dục của thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá....

- Phải luôn gắn lí luận với thực tiễn giáo dục và thực tiễn xã hội.
- Phải luôn luôn độc lập suy nghĩ, tránh tư duy sao chép, bắt chước, không phê phán, không chất lọc.
- Cần tích lũy những tư liệu, sự kiện, tranh ảnh, các tấm gương người tốt, việc tốt, những sự kiện chính trị trong và ngoài nước,... để phục vụ cho các hoạt động của công tác chủ nhiệm.

3. Kết quả mong đợi

Học xong module, người học tự kiểm tra, phải đạt được:

Một là, nêu được những chức năng và phân tích được tại sao GVCN ở tiểu học cần phải có những chức năng đó.

Hai là, xác định được những nhiệm vụ của người GVCN ở tiểu học và phân tích, chứng minh những nhiệm vụ đó là yêu cầu khách quan của thời kì mới.

- Thấy những yêu cầu đổi mới của GVCN ở tiểu học so với trước đây.
- Ở mức độ nào đó, thấy sự khác biệt của GVCN ở tiểu học so với GVCN ở THCS và THPT.
- Trên cơ sở hiểu chức năng, nhiệm vụ của GVCN mà có ý thức và có kĩ năng vạch kế hoạch phân đấu rèn luyện toàn diện, nhất là rèn luyện để có năng lực, nghệ thuật làm công tác chủ nhiệm.

Hoạt động 1: Phân tích những cơ sở đổi mới, xác định mục tiêu giáo dục phổ thông và mục tiêu giáo dục tiểu học

1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 1

Muốn hiểu sâu sắc nhiệm vụ, chức năng của GVCN nói chung, GVCN tiểu học nói riêng, người học phải nắm chắc mục tiêu giáo dục tiểu học và những yếu tố ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

2. THÔNG TIN CƠ BẢN

Thông tin 1: Tìm hiểu mục tiêu giáo dục tiểu học trong giai đoạn hiện nay được ghi trong Luật Giáo dục

Luật Giáo dục ghi rõ: “*Giáo dục tiểu học nhằm giúp HS hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kĩ năng cơ bản để HS tiếp tục học THCS*”.

Cần hiểu mục tiêu giáo dục tiểu học ghi trong Luật có mấy định hướng mới sau đây:

Cần hiểu đúng khái niệm “giúp” HS... chứ không phải “cung cấp” hay “trang bị”. Giúp HS nghĩa là thầy cô giáo, các bậc cha mẹ không áp đặt, phải coi HS là chủ thể của quá trình tiếp thu kinh nghiệm sống, tiếp nhận tích cực những kiến thức và rèn luyện kỹ năng để phát triển nhân cách dưới sự điều khiển của nhà sư phạm.

Mối quan hệ giữa nhà sư phạm (thầy cô, cha mẹ, các thế hệ lớn tuổi) với cá nhân và tập thể HS là mối quan hệ tương tác. Từ quan niệm đó, trong nhà trường, thầy cô giáo phải tôn trọng, giúp đỡ, động viên để các em chủ động trong học tập, rèn luyện.

Thông tin 2: Phân tích nội dung của mục tiêu giáo dục tiểu học

- *“Phát triển đúng đắn” là sự phát triển nhân cách của trẻ phù hợp với quy luật tâm sinh lý lứa tuổi HS tiểu học, chẳng hạn quy luật nhận thức: ở lứa tuổi HS tiểu học quá trình nhận thức cảm tính vẫn là chủ yếu. Vì vậy, tổ chức dạy học, hoạt động giáo dục cần dựa vào những sự kiện, hiện tượng sinh động, dễ hiểu để trẻ em có thể sử dụng các giác quan trong quá trình nhận thức cảm tính. Đặc điểm nhận thức của trẻ là dựa trên trực quan sinh động, chưa phát triển tư duy trừu tượng.*

Trẻ em tiểu học tư duy xúc cảm chiếm vai thế, vì vậy, cần sử dụng những phương pháp dạy học, phương pháp giáo dục tạo ra xúc cảm đạo đức. Xúc cảm sẽ là cơ sở phát triển tư duy sáng tạo và ý chí. Xúc cảm là nền tảng hình thành tình cảm trong sáng, vì vậy đòi hỏi thầy cô giáo khi sử dụng các phương pháp dạy học và giáo dục cần tận dụng các phương pháp gây cho trẻ những xúc cảm lành mạnh. Đồng thời, cần thay đổi các phương pháp, hình thức hoạt động cho trẻ đỡ căng thẳng, mệt mỏi trong hoạt động.

Cần sử dụng, tận dụng và kết hợp các phương pháp, hình thức dạy học, giáo dục, các điều kiện, yếu tố, các sự kiện, hiện tượng của tự nhiên và xã hội xảy ra xung quanh các em; cần đưa các em vào *thế giới thực* hoặc sử dụng các phương pháp, hình thức giả định giàu hình ảnh, giàu cảm xúc như đóng vai, kể chuyện, xem các vở diễn, đọc truyện tranh... để các em phát triển óc tưởng tượng, rèn luyện các hành vi, bộc lộ xúc cảm, tình cảm.

- *Phát triển đúng đắn còn có nghĩa là những kiến thức cung cấp cho trẻ phải chính xác, khoa học, đơn giản, dễ hiểu. Những kĩ năng, thói quen hành vi giáo dục cho trẻ phải chuẩn xác. Chẳng hạn khi học ngoại ngữ, phải dạy trẻ phát âm đúng ngay từ đầu. Cũng như vậy, phải hướng dẫn trẻ rèn luyện những hành vi, thói quen, đúng mục tiêu giáo dục nhân cách. Giáo dục rèn luyện cho trẻ hiểu đúng, làm đúng những quy định chung của truyền thống đạo lí, biết tôn trọng nguyên tắc sống và quy định của pháp luật là nền tảng hình thành các năng lực sau này.*
- *Giáo dục trẻ em đúng theo mục tiêu giáo dục tiểu học phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí chính là đặt nền móng vững chắc cho sự phát triển nhân cách sau này của các em.*

Thông tin 3: Phân tích mức độ của khái niệm "Hình thành cơ sở ban đầu của sự phát triển nhân cách HS tiểu học"

Cần khẳng định ngay. Hình thành những cơ sở ban đầu... không phải cung cấp kiến thức các lĩnh vực khoa học cho HS tiểu học là chủ yếu, mà là hình thành nền móng đầu tiên cho sự phát triển toàn diện nhân cách. Nghĩa là tổ chức hoạt động dạy học, hoạt động thể dục thể thao, vui chơi giải trí, văn hoá, văn nghệ, tăng cường giao lưu giao tiếp của trẻ em. Thông qua các loại hình hoạt động đa dạng, phong phú đó, tạo cơ hội cho trẻ được hình thành những phẩm chất tâm lí, tính cách, những hành vi, kĩ năng ban đầu của quá trình phát triển nhân cách, tạo tiềm năng, xây dựng nền móng cho sự phát triển lâu dài bền vững sau này.

- *Hình thành kĩ năng hoạt động trí tuệ, trọng tâm là thao tác tư duy cảm tính ở tiểu học, qua các hoạt động, cần hình thành và rèn luyện ở HS một số thao tác, kĩ năng của hoạt động tư duy như kĩ năng quan sát, nhận biết, so sánh, phân tích những hiện tượng của tự nhiên, xã hội xảy ra xung quanh. Ở lớp 4, lớp 5, thầy cô giáo cần giúp các em bước đầu khám phá, phân tích bản chất một số hiện tượng đơn giản của tự nhiên, trong học tập, quan hệ xã hội,... Dạy học các môn học ở tiểu học chỉ là điều kiện, phương tiện nhằm hình thành, phát triển các thao tác tư duy, chứ không phải bắt các em phải thuộc lòng tất cả kiến thức (tất nhiên có những điều phải nhớ).*

Trên thực tế, cán bộ quản lí và GV tiểu học, trong đó có GVCN vẫn coi dạy học, cung cấp kiến thức văn hoá làm mục tiêu chính; coi tiêu chí biết đọc, đếm, tính toán, hiểu biết những sự kiện tự nhiên, xã hội... làm tiêu chuẩn

Đánh giá hiệu quả của giáo dục tiểu học, hoạt động dạy học; chưa nhận thức thật đầy đủ việc rèn luyện những kỹ năng đọc, tính toán... chỉ là hình thành những kỹ năng ban đầu để phát triển những thao tác của tư duy, của sự phát triển năng lực sáng tạo ở các em.

Mục tiêu của cuộc đổi mới giáo dục là phát triển các năng lực ở người học. Vì vậy, dạy học phải chuyển từ việc trang bị kiến thức làm trọng tâm sang phát triển năng lực tư duy là chủ yếu. Việc đó phải bắt đầu ngay từ tiểu học.

- Xuất phát từ yêu cầu của con người thời kì công nghiệp hoá, hiện đại hoá, cần phải phát triển 9 năng lực cơ bản cho HS: năng lực phát triển tư duy; năng lực tự hoàn thiện; năng lực giao tiếp ứng xử; năng lực thích ứng; năng lực hợp tác và cạnh tranh; năng lực tổ chức quản lí; năng lực hoạt động xã hội; năng lực nghiên cứu khoa học; năng lực lao động nghề nghiệp chuyên biệt). Giáo dục tiểu học phải là cấp học đầu tiên hình thành những kỹ năng rất quan trọng, góp phần đặt nền móng cho việc hình thành các năng lực kể trên.

- *Bước đầu hình thành kỹ năng giao tiếp có văn hoá đơn giản*

Với HS tiểu học, mục tiêu của việc hình thành kỹ năng giao tiếp dựa trên 5 quan hệ vi mô:

- + Với bản thân
- + Với gia đình
- + Với nhà trường
- + Với cộng đồng
- + Với môi trường tự nhiên.

Những kỹ năng thể hiện ở 5 quan hệ trên phải thể hiện những giá trị đạo đức, văn hoá, pháp luật đầu tiên có ảnh hưởng trực tiếp hàng ngày tới HS tiểu học (vì vậy gọi là quan hệ vi mô). Những ảnh hưởng ấy có ý nghĩa đến sự phát triển nhân cách và là nền tảng văn hoá của con người trong thời đại hiện nay như: hiếu thảo, thương yêu, trung thực, tôn trọng đạo, biết sống cần, kiệm, trung thực, biết giữ gìn, bảo vệ của công, bảo vệ tự nhiên, bảo vệ di sản văn hoá, có ý thức tôn trọng nội quy, pháp luật,...

Một số kỹ năng cụ thể trong giao tiếp thể hiện ở 5 quan hệ

- *Với bản thân:*
 - + Tác phong sống ngăn nắp gọn gàng, sinh hoạt, học tập, vui chơi đúng giờ, sách vở, quần áo, đồ dùng... để đúng nơi quy định.

- + Tự lập trong sinh hoạt hàng ngày (không phải nhắc nhở nhiều) như: đi học; không quá ham chơi mà quên học tập, làm việc nhà được phân công; biết giữ gìn vệ sinh thân thể, nhà cửa, nơi công cộng...
- + Biết tiết kiệm của cải chung (tiền bạc, điện, nước,...).
- *Với gia đình:*
 - + Có những hành vi thể hiện quan hệ trong gia đình: kính yêu cha mẹ, ông bà nội ngoại, yêu thương, nhường nhịn anh chị em.
 - + Biết làm một số việc vừa sức, phù hợp với lứa tuổi như dọn dẹp nhà cửa, nấu cơm, rửa bát, trông em, chăm sóc ông bà, bố mẹ, anh chị em khi ốm đau hoặc khi cần thiết.
 - + Biết tôn trọng mọi người, không làm phiền khi không cần.
- *Với nhà trường:*
 - + Biết chào hỏi các thầy cô giáo trong trường.
 - + Biết nghe và thực hiện những điều thầy cô giáo dạy bảo.
 - + Biết chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và thầy cô khi cần thiết.
 - + Biết hợp tác với bạn bè trong học tập và hoạt động tập thể, trong vui chơi và cuộc sống hàng ngày.
 - + Biết giữ gìn vệ sinh, cảnh quan lớp học, trường học.
- *Với cộng đồng:*
 - + Biết chào hỏi, xưng hô phù hợp với mọi người xung quanh và ngoài xã hội.
 - + Có mở cửa khi khách tới nhà.
 - + Có hành vi văn hoá: Khi đến nhà người khác, khi nghe và nói điện thoại.
 - + Sẵn sàng giúp đỡ hàng xóm, láng giềng khi cần thiết.
 - + Biết giữ gìn vệ sinh môi trường tại nơi ở của cộng đồng.
 - + Có ý thức và kĩ năng tham gia các hoạt động ở cộng đồng như dọn vệ sinh, giữ gìn bảo vệ vườn hoa cây cảnh, những công trình công cộng, tuân thủ những quy định của cộng đồng và pháp luật, nhất là luật giao thông đường bộ và trật tự nơi công cộng.
 - + Có ý thức, có kĩ năng từ chối những cám dỗ không lành mạnh.
- *Với môi trường tự nhiên:*
 - + Có ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường tự nhiên.
 - + Có kĩ năng và thói quen bảo vệ vật nuôi, cây trồng (không hái hoa, bẻ cành cây...).

- + Có thói quen giữ gìn vệ sinh nguồn nước, không khí, cảnh quan thiên nhiên, những di sản văn hoá vật thể và phi vật thể của địa phương, đất nước và nhân loại.
- + Có xúc cảm với vẻ đẹp của tự nhiên.
- + Biết can ngăn bạn bè, mọi người xung quanh khi có những hành vi làm tổn hại tới môi trường sống.

Một trong những yêu cầu đối với con người là biết giữ gìn vệ sinh bản thân, nơi công cộng, ở gia đình, nhà trường, biết sống nề nếp, biết học tập, vui chơi, nghỉ ngơi hợp lý, biết đề phòng với những ảnh hưởng có tác hại đến con người và cộng đồng như ma túy, bạo lực, bệnh thông thường, bệnh thế kỷ,...

Tóm lại: Muốn hiểu chức năng, nhiệm vụ của GVCN lớp ở tiểu học, chúng ta phải hiểu thật sâu sắc mục tiêu giáo dục tiểu học, hiểu vị trí vai trò của trường tiểu học. Vì vậy Hoạt động 1 giúp GV tiểu học nắm vững mục tiêu giáo dục tiểu học vì đó là cơ sở của công tác chủ nhiệm ở tiểu học.

3. NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG 1

Câu 1: a. Bạn hiểu mục tiêu giáo dục tiểu học là gì? Hãy trình bày những điểm trọng tâm và cái mới của mục tiêu giáo dục tiểu học hiện nay so với trước đây.

b. "Hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển đúng đắn và lâu dài" là thế nào?

c. Hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển nhân cách HS tiểu học là phát triển những gì? Cần hiểu “những cơ sở ban đầu” là gì? Và phát triển cái gì?

Câu 2: Với những hiểu biết mới về mục tiêu giáo dục tiểu học, bạn thử đánh giá ở trường của mình mặt nào đã thực hiện tốt, mặt nào chưa thực hiện được và giải thích nguyên nhân.

Hoạt động 2. Xác định nội dung công tác chủ nhiệm lớp ở tiểu học (loại trường bán trú ngày)

1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 2

Người học hiểu được những nội dung công tác chủ nhiệm nói chung và ở tiểu học nói riêng hiện nay.

2. THÔNG TIN CƠ BẢN

Thông tin 1: Tìm hiểu sự khác nhau giữa GVCN và Hiệu trưởng

Hiệu trưởng và GVCN lớp giống nhau là đều phải *quản lí giáo dục toàn diện HS*.

Khác nhau ở mức độ, phạm vi quản lí: Hiệu trưởng quản lí toàn trường, nhiều lớp thông qua GVCN; còn GVCN là người thiết kế, tổ chức thực hiện giáo dục toàn diện ở một lớp, vì vậy GVCN cần có kĩ năng tổ chức giáo dục cụ thể để thực hiện mục tiêu nội dung giáo dục toàn diện.

Hiệu trưởng trường học là cán bộ đứng đầu một trường học - là người quản lí Nhà nước về giáo dục cấp cơ sở (Ngành Giáo dục quản lí theo 4 cấp: Bộ Giáo dục và Đào tạo; Sở Giáo dục - Đào tạo, Phòng Giáo dục - Đào tạo và trường học). Vì vậy, Hiệu trưởng có dấu son để thể hiện quyền lực và trách nhiệm quản lí Nhà nước. Còn GVCN là trợ lí cho Hiệu trưởng, được phân công phụ trách một lớp, vì vậy GVCN không có con dấu. Do đó thường gọi GVCN là Hiệu trưởng không có dấu son, hay gọi là Hiệu trưởng nhỏ.

Thông tin 2: Tìm hiểu nhiệm vụ của GVCN ở tiểu học hiện nay

– *Nhiệm vụ là gì?*

Nhiệm vụ là những công việc của một cá nhân hay của một tập thể (như của GVCN, của một tổ bộ môn) được xã hội giao phó; hoàn thành những công việc đó là thực hiện được một mục tiêu, một mục đích của xã hội đòi hỏi để góp phần phát triển xã hội ở một hay nhiều lĩnh vực nào đó.

– *Nhiệm vụ của GVCN là những công việc người làm chủ nhiệm lớp phải thực hiện nhằm thay mặt Hiệu trưởng quản lí quá trình giáo dục toàn diện một lớp học. Nói một cách dễ hiểu hơn, muốn quản lí giáo dục toàn diện một lớp học, người GVCN phải làm tất cả những công việc để phối hợp, tổ chức tốt việc khai thác tiềm năng trong và ngoài nhà trường nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện HS một lớp học. Những công việc phải làm để thực hiện tốt quản lí và phối hợp thực hiện quá trình giáo dục toàn diện HS một lớp học chính là nhiệm vụ công tác chủ nhiệm.*

– *Xác định nhiệm vụ GVCN dựa trên những cơ sở nào?*

Việc xác định nhiệm vụ của một cá nhân hay của một tập thể phải dựa trên hai căn cứ:

+ *Mục tiêu phải đạt của công tác chủ nhiệm;*

+ Những yếu tố ảnh hưởng, chế ước chi phối quá trình thực hiện mục tiêu.

Phải dựa vào hai căn cứ trên để xác định các công việc của một GVCN; nếu chỉ căn cứ vào mục tiêu của GVCN là quản lí toàn diện quá trình thực hiện mục tiêu giáo dục của lớp, của cấp học và của giáo dục phổ thông thì chưa đủ. Vì vậy, phải có hiểu biết và phải tổ chức giải quyết các mâu thuẫn trong quá trình thực hiện mục tiêu công tác chủ nhiệm.

– Để thực hiện mục tiêu quản lí giáo dục toàn diện một lớp học:

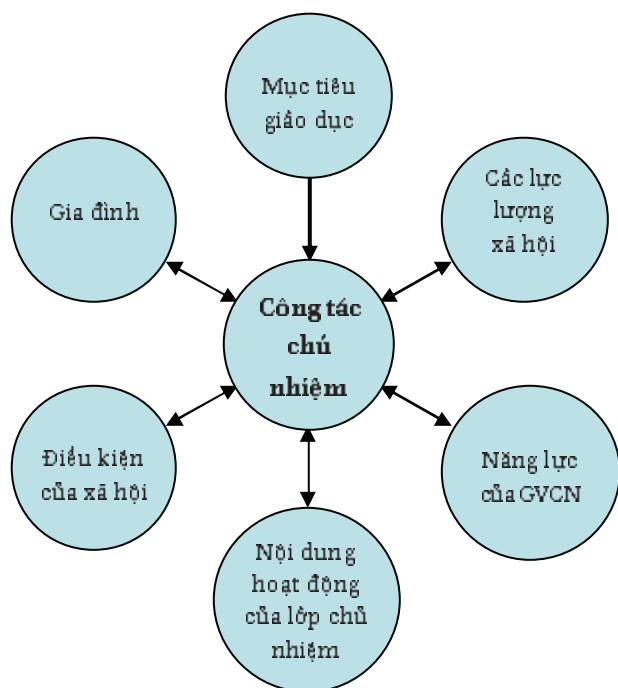
+ GVCN phải thực hiện việc điều tra nắm vững đối tượng giáo dục là từng HS và những đặc điểm của một tập thể lớp học.

+ Phải xây dựng kế hoạch thực hiện các mặt giáo dục toàn diện.

+ Phải triển khai các hoạt động theo dõi sự tiến bộ của từng em theo mục tiêu kế hoạch chủ nhiệm đặt ra.

Để khai thác tiềm năng của HS nhằm thực hiện tốt trách nhiệm công tác chủ nhiệm, người GVCN phải hiểu những yếu tố nào ảnh hưởng, chi phối công tác của GVCN và làm những việc gì để phát huy tiềm năng của HS.

GVCN phải nắm vững quy luật của hoạt động giáo dục, hoạt động của công tác chủ nhiệm. Đó chính là những yếu tố khách quan và chủ quan ảnh hưởng trực tiếp tới việc tổ chức quá trình hoạt động của GVCN nhằm thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục của lớp chủ nhiệm.



Ghi chú:

- Mục tiêu giáo dục: Mục tiêu giáo dục lớp, cấp học.

- Gia đình: Đặc điểm của gia đình.

- Các lực lượng xã hội: Là tất cả các cá nhân, tổ chức xã hội ở cộng đồng.

- Điều kiện của xã hội: Điều kiện kinh tế, văn hoá xã hội địa phương và của xã hội.

Những yếu tố khách quan và chủ quan trên ảnh hưởng trực tiếp tới việc tổ chức quá trình hoạt động của GVCN khi thực hiện kế hoạch hoạt động giáo dục của lớp chủ nhiệm.

Nắm vững những yếu tố và xác định những việc phải làm là nhiệm vụ của GVCN. Đặc biệt thấy tính chất đặc trưng của giáo dục tiểu học và đặc điểm của các yếu tố trong hoàn cảnh xã hội mới của hội nhập hiện nay ở mỗi địa phương là việc làm cần sự sáng tạo của GVCN.

Xuất phát từ yêu cầu trên, GVCN có ít nhất 2 việc lớn (2 nhiệm vụ) phải làm, đó là *nhìn cầu để nắm vững đặc điểm của các yếu tố tương ứng với yêu cầu giáo dục tiểu học và biết cách tổ chức khai thác hợp lý, có hiệu quả các yếu tố để thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học*. Căn cứ vào những yêu cầu đối với GVCN để xác định những việc GVCN cần phải làm. Đó là:

1. Nhiệm vụ 1: Quản lý toàn diện HS một lớp học

1.1. Mục tiêu của quản lý sĩ số HS

- GVCN là một nhà quản lý giáo dục, vì vậy quản lý sĩ số HS là thể hiện chức năng quản lý nhân sự của một cán bộ quản lý.
- Quản lý sĩ số HS là *theo dõi sự chuyển cần* của HS trong học tập và *sự quan tâm của gia đình* đối với việc học tập của con em ở trường.
- Quản lý sĩ số còn góp phần *theo dõi sự phát triển thể chất, sức khỏe của HS*. Đây là một trong những nội dung, yêu cầu đối với GVCN. Chỉ có thể theo dõi sức khỏe qua một quá trình theo từng năm học. Nếu không làm GVCN lớp cả khoá học thì GVCN tiếp quản lớp học phải tiếp quản hồ sơ từng em qua mỗi năm về sự phát triển, diễn biến về thể lực và các bệnh ở những HS đặc biệt để bàn bạc với gia đình và cơ sở y tế có phương án tạo cơ hội cho trẻ phát triển bình thường về thể chất và có những biện pháp tổ chức hoạt động giáo dục phù hợp với từng em. Ví dụ những em mắt kém cần bố trí ngồi bàn trên, những em cao lớn nên ngồi dưới, ngồi đầu ngoài của bàn.
- *Quản lý sĩ số cũng chính là cơ sở để quản lý quá trình thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện của giáo dục tiểu học*

Chỉ có thể theo dõi việc phát triển toàn diện nhân cách của HS tiểu học nếu thầy cô giáo quan tâm tới trẻ hàng ngày trong các hoạt động trẻ tham gia ở trường và ngoài nhà trường.

Tóm lại: Quản lí, theo dõi sĩ số HS để có cơ sở đánh giá sự chuyên cần của HS và sự quan tâm giáo dục của gia đình để xác định các biện pháp giáo dục và sự phối hợp với gia đình thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học.

1.2. Muốn quản lí lớp học, GVCN ở tiểu học phải phân loại đặc điểm HS lớp chủ nhiệm để có cơ sở giáo dục

Việc phân loại HS có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc tổ chức giáo dục HS tiểu học. Việc phân loại HS cần dựa trên hai cơ sở để phân loại.

a. Dựa trên mục tiêu giáo dục tiểu học

Dựa trên mục tiêu giáo dục tiểu học là căn cứ vào những tiêu chí giáo dục toàn diện ở mỗi lớp, cấp giáo dục tiểu học để so sánh xem mỗi HS đã đạt tới mức nào. Trên cơ sở đó xác định những biện pháp dạy học, giáo dục phù hợp với mỗi loại HS và tổ chức thực hiện để tất cả HS đạt tới mục tiêu giáo dục tiểu học.

Ví dụ trong lớp có 5/35 em kĩ năng đọc còn kém thì cần tăng cường cho các em đó được rèn luyện đọc nhiều hơn các em khác. Có một số em chưa biết chia sẻ với bạn bè thì cần tạo ra những tình huống, tạo ra những hoạt động đưa các em vào tình huống có vấn đề để tạo ra xúc cảm, tạo ra cơ hội rèn luyện kĩ năng biết chia sẻ,...

- *Phân loại HS dựa vào mục tiêu giáo dục tiểu học còn là để tổ chức, phối hợp các lực lượng giáo dục thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học đối với tất cả HS.*

Hiện nay, không ít GVCN ở tiểu học cũng như ở THCS, THPT chưa nhận thức đúng và chưa có kiến thức, kĩ năng để phân loại HS theo mục tiêu giáo dục vì chính GVCN, cũng như nhiều GV không nắm vững được mục tiêu giáo dục cấp học mà chỉ hiểu biết mục tiêu môn học. Mặt khác, hầu hết GVCN chưa nhận thức đúng yêu cầu tổ chức rèn luyện cho những HS còn yếu về các kĩ năng và thái độ so với yêu cầu giáo dục tiểu học, thường chỉ chọn những HS có hiểu biết tốt cho tham gia các hoạt động; vì vậy khoảng cách sự phát triển giữa các em ngày càng dần rộng và như vậy, mục tiêu giáo dục tiểu học chỉ đạt được đối với một số HS của lớp học.

- *Dựa trên mục tiêu giáo dục tiểu học để phân loại là nhằm đánh giá quá trình giáo dục và rèn luyện của HS để tổ chức dạy học, giáo dục, tạo cơ hội cho tất cả HS được phát triển, được rèn luyện phát triển toàn diện. Khi phân loại HS theo mục tiêu giáo dục, không chỉ căn cứ vào học lực mà*

cần phân theo *mức độ phát triển của trí tuệ* (như khả năng nhận biết, ghi nhớ, tập trung chú ý...), *các kĩ năng hoạt động* (văn nghệ, thể dục thể thao, giao tiếp ứng xử, âm nhạc, hội họa, ngoại ngữ, tính thích ứng...) và *đánh giá xúc cảm, tình cảm...* (qua cử chỉ, hành vi... trước các sự kiện, sự vật, tình huống giao tiếp xã hội,...). Nhận xét, đánh giá xúc cảm, tình cảm là khó nhất với GVCN, đòi hỏi GVCN phải có kĩ năng “chẩn đoán tâm lí” trẻ; GVCN phải có kĩ năng và nghệ thuật sư phạm tạo ra những tình huống, lợi dụng các tình huống đưa trẻ vào hoạt động, qua đó quan sát, nhận xét, đánh giá,... từng HS của lớp chủ nhiệm.

GVCN cần quan tâm tới những em có những biểu hiện xúc cảm hoặc vô cảm, nhất là những em “vô cảm”, “bàng quan” trước niềm vui, nỗi buồn, sự bất hạnh, khó khăn vất vả hoặc trước thành công, hạnh phúc của những người xung quanh, hoặc vô cảm trước cảnh đẹp của thiên nhiên, trước những thành quả lao động của người khác, của các thế hệ ông cha, của sự nghiệp đổi mới đất nước... để phát triển tầm nhìn, hướng các em tới chân, thiện, mỹ...

Để có cơ sở nhận xét, đánh giá những HS có chỉ số biểu hiện xúc cảm, tình cảm thì GVCN phải theo dõi từng HS qua những hoạt động để phát hiện những *cảm xúc đồng loại* ở các em. Ví dụ muốn nhận biết ở một HS có xúc cảm với nỗi đau khổ của người khác, GVCN phải đưa HS đó vào các tình huống thật hoặc gần thật để HS *bộc lộ xúc cảm* bằng hành vi, cử chỉ hay không, chẳng hạn gặp bạn ngã, hay ốm đau có biết thăm hỏi “Bạn có đau không?”, “Mình có thể giúp gì không?”... và sẵn sàng chia sẻ những khó khăn với người khác không hay dửng dưng, thờ ơ...

Dựa trên mục tiêu giáo dục tiểu học, phân loại HS là nhằm bồi dưỡng những HS còn yếu các mặt để đạt mục tiêu giáo dục tiểu học, đồng thời bồi dưỡng những HS có năng khiếu, HS khá giỏi để phát triển hết tiềm năng ở các em.

b. Phân loại HS dựa trên nguyên nhân của hành vi và các hiện tượng ở HS

- Mỗi hiện tượng có rất nhiều nguyên nhân, GVCN phải tìm hiểu đúng nguyên nhân thì mới có biện pháp tác động phù hợp. Chẳng hạn HS đi học muộn, nghỉ học... có thể do tắc đường, do xe hỏng, do tai nạn, có khi vì phải giúp bạn hay giúp một người gặp hoạn nạn. Vì vậy, tìm hiểu xác định đúng nguyên nhân của hiện tượng ở HS là cơ sở để có biện pháp phù hợp. Có khi bỏ tiết, đi chậm có những lí do chính đáng, còn đáng khen, như đã có em cứu em nhỏ khỏi chết đuối, đưa người tai nạn giao thông đi cấp cứu, trên đường đi học phát hiện kẻ gian, làm ăn

phi pháp, phải theo dõi và báo cho cảnh sát để ngăn chặn... Không ít trường hợp con cái lấy tiền của bố mẹ để giúp đỡ bạn bè, những người khó khăn hoạn nạn trong cuộc sống, nhưng không dám nói với bố mẹ; đối với những em đó biện pháp giáo dục phải khác với những em lấy tiền của bố mẹ để đi chơi điện tử, uống rượu, hút ma túy,...

- Tìm hiểu đúng nguyên nhân của hành vi biểu hiện ở HS sẽ giúp GVCN lựa chọn được nội dung, phương pháp, hình thức tác động và phối hợp các lực lượng giáo dục để giúp HS có suy nghĩ đúng, rút kinh nghiệm điều chỉnh hành vi cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức xã hội.
- Phân loại HS theo biểu hiện của hành vi là một công việc không giản đơn, đòi hỏi GVCN phải có những kiến thức về tâm lí lứa tuổi, tâm lí học chẩn đoán và phải có cái tâm của nhà sư phạm, có nghệ thuật giáo dục, tránh nóng nảy, vội vã, cần bình tĩnh, nhạy cảm sư phạm, cởi mở, biết lắng nghe, chia sẻ, cảm hoá HS...

2. Nhiệm vụ 2: Nghiên cứu đặc điểm hoàn cảnh gia đình HS để tổ chức phối hợp giáo dục HS

2.1. Ý nghĩa của việc nghiên cứu hoàn cảnh gia đình HS

Trước đây chưa bao giờ đòi hỏi GVCN (nhất là chủ nhiệm tiểu học) lại phải nghiên cứu đặc điểm gia đình HS. Ngày nay, GVCN cần phải tìm hiểu, nghiên cứu đặc điểm gia đình và phải coi là một nhiệm vụ để phục vụ cho công tác giáo dục.

Nghiên cứu đặc điểm gia đình HS về mọi mặt để tìm các biện pháp khai thác, phối hợp với gia đình thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

2.2. Nội dung tìm hiểu nghiên cứu về gia đình

Những thông tin về đặc điểm của bố, mẹ:

- Tuổi
- Nghề nghiệp, cương vị công tác
- Trình độ văn hoá, chuyên môn

Thông tin để liên hệ:

- Địa chỉ
- Điện thoại
- Hộp thư điện tử
- Tên bố, mẹ (hoặc người đỡ đầu)

Điều kiện kinh tế:

- Thu nhập hàng tháng
- Cơ sở nhà ở, phương tiện đi lại, sinh hoạt

Khả năng tham gia các hoạt động giáo dục:

- Về chuyên môn giáo dục: chăm sóc sức khỏe, về văn nghệ, TDTT, tổ chức vui chơi, các câu lạc bộ...
- Về thời gian tham gia: ngày nghỉ, hè hay hằng ngày.
- Về cơ sở vật chất, tài chính: có thể đóng góp, cho mượn, cho thuê...

Tìm hiểu trình độ su phạm của bố mẹ HS:

Tìm hiểu, nghiên cứu trình độ hiểu biết của các bậc phụ huynh là đòi hỏi mới với GVCN ngày nay, vì chính trình độ su phạm của bố mẹ HS là cơ sở quan trọng nhất để thực hiện phối hợp với gia đình, và là cơ sở để GVCN thành lập Ban đại diện Hội Cha mẹ HS của lớp, của trường và phác thảo nội dung hoạt động của chi hội cha mẹ HS.

Muốn tìm hiểu trình độ su phạm của các bậc cha mẹ, GVCN cần thực hiện nhiều biện pháp và hình thức sau đây:

(1) *Điều tra qua trắc nghiệm:* (Trả lời tại chỗ khi họp phụ huynh buổi họp, đầu năm học, không nên đem về nhà sẽ thiếu tính khách quan vì người khác trả lời)

- *Thông tin về người trả lời:* (Tên, địa chỉ, điện thoại) cần có những thông tin về nhận thức, kiến thức su phạm đơn giản.
- *Thông tin về trình độ su phạm và nguyện vọng của cha mẹ, bằng cách hỏi:* Gia đình có những hiểu biết và có thể tham gia cùng nhà trường về những lĩnh vực nào dưới đây?
 - + Phương pháp giáo dục, dạy học
 - + Giáo dục dân số - kế hoạch hoá gia đình
 - + Giáo dục sức khỏe sinh sản
 - + Kỹ năng sống
 - + Đại học su phạm, Cao đẳng su phạm
 - + Trung cấp su phạm
 - + Các lớp chuyên đề v.v...

Đã làm tư vấn về:

- + Sức khỏe sinh sản

- + Văn hoá
- + Giáo dục
- + Thể dục thể thao v.v...

Đã và đang tham gia câu lạc bộ về vấn đề gì? (Xin ghi cụ thể, địa chỉ, người phụ trách câu lạc bộ...)

Khi con cái ốm đau, quý vị thường tham khảo ý kiến của ai?

- + GVCN
- + Người thân
- + Hàng xóm
- + Cán bộ cộng đồng
- + Thầy thuốc
- + Đưa ngay đi bệnh viện

Nếu phát hiện con cái của hàng xóm nghiện hút, quý vị sẽ làm gì?

- + Không để ý
- + Theo dõi hiện tượng
- + Trao đổi với gia đình cháu đó
- + Trao đổi với công an
- + Cán bộ tổ dân phố
- + Trao đổi trực tiếp với cháu đó

Xin quý vị cho biết con em quý vị có năng khiếu về lĩnh vực gì? Xin ghi cụ thể

- + Để bồi dưỡng năng khiếu cho các con em, quý vị cho cháu tham gia:
 - Học thêm tại trường
 - Sinh hoạt ở các câu lạc bộ
 - Sinh hoạt ở các nhà văn hoá thiếu niên
 - Cung thiếu nhi
 - Gia đình tự tổ chức
 - Có khả năng đóng góp kinh phí
- Để góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho các cháu, xin quý vị cho biết những mặt yếu ở cháu, để nhà trường quan tâm giúp đỡ.

TT	Con cái của các bậc cha mẹ	Những biểu hiện ở cháu		
		Yếu	Bình thường	Tốt
1	Biết chào hỏi người lớn (cha mẹ)			
2	Nhường nhịn bạn bè, em nhỏ			
3	Biết chia sẻ, giúp đỡ người khác			
4	Tự giác học tập ở nhà			
5	Biết giữ vệ sinh (cá nhân, cộng đồng)			
6	Sống ngăn nắp, gọn gàng			
7	Sinh hoạt đúng giờ (ăn, ngủ, học)			
8	Biết kìm chế (ít khóc nhè, ít cáu gắt)			
9	Biết lắng nghe			

Qua trắc nghiệm trên, GVCN sẽ biết được khá nhiều thông tin về cha mẹ HS. Từ hiểu biết đến kỹ năng giáo dục và đặc biệt hiểu được cả ý thức trách nhiệm, mong muốn đối với giáo dục con cái... là cơ sở rất quan trọng giúp GVCN có giải pháp phối hợp trong quá trình giáo dục HS.

(2) Trao đổi trực tiếp

Sau khi khảo sát qua trắc nghiệm, có những nhận xét ban đầu về cha mẹ HS, GVCN cần phân loại cha mẹ HS và tổ chức tiếp xúc trực tiếp với những bậc cha mẹ có những đặc điểm nổi trội.

Biện pháp trao đổi trực tiếp với phụ huynh là nhằm tìm hiểu kỹ năng, năng lực giao tiếp ứng xử, kỹ năng và hiểu biết về năng lực sư phạm của các bậc phụ huynh để thành lập Chi hội Cha mẹ HS.

Chỉ có trao đổi trực tiếp với phụ huynh mới có thời gian trao đổi dự định kế hoạch hoạt động GVCN, qua đó tiếp thu đóng góp của cha mẹ HS và cũng hiểu tâm huyết, thái độ của cha mẹ HS, tạo ra sự đồng thuận, thống nhất hành động trong sự phối hợp giữa nhà trường và gia đình.

3. Nhiệm vụ 3: Xây dựng kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục của lớp chủ nhiệm

Sau khi tìm hiểu những đặc điểm của tập thể HS và của cha mẹ, GVCN mới có cơ sở thiết kế kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục của lớp trong một năm học.

3.1. Những cơ sở để xây dựng kế hoạch chủ nhiệm

- Căn cứ vào mục tiêu cấp học và lớp học.
- Căn cứ vào nhiệm vụ từng năm học theo định hướng của Bộ Giáo dục và Đào tạo, chỉ thị năm học của Sở, của phòng giáo dục và những yêu cầu chính trị của địa phương (ví dụ những ngày kỷ niệm lớn ở địa phương).
- Căn cứ vào đặc điểm của HS lớp chủ nhiệm đã nghiên cứu.
- Căn cứ vào khả năng, điều kiện tham gia của phụ huynh HS đã tìm hiểu.
- Và căn cứ vào những đặc điểm của trường, khai thác những điều kiện cơ sở vật chất, trình độ của đội ngũ GV của trường.

Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm là quá trình tổ chức khai thác những ưu điểm, thuận lợi của những yếu tố trên. Song mục tiêu giáo dục toàn diện là cơ sở quan trọng nhất để xây dựng kế hoạch.

3.2. Những nội dung của một bản kế hoạch chủ nhiệm ở tiểu học trong một năm

Một là: Kế hoạch hoạt động phải được tổ chức trong suốt 12 tháng, trong 7 ngày một tuần, khép kín không gian giáo dục đối với trẻ (ở trường, gia đình và xã hội).

- *Hai là:* Nội dung hoạt động thể hiện mục tiêu giáo dục toàn diện (không chỉ quan tâm tới việc học văn hoá của HS).
- *Ba là:* Thu hút được, huy động được các nguồn lực, tổ chức hợp lý, phát huy được tính tích cực, tự giác tham gia của các lực lượng xã hội, đặc biệt sự tham gia của gia đình, cộng đồng nơi ở của HS.
- *Bốn là:* Khi lựa chọn nội dung và phương pháp tổ chức hoạt động phải phù hợp với mục tiêu giáo dục và điều kiện thực tế, đặc điểm HS tiểu học.
- *Năm là:* Kế hoạch chủ nhiệm được xây dựng tổng thể một năm và hàng tháng trong sổ chủ nhiệm.

3.3. Những thông tin trong một bản kế hoạch chủ nhiệm (có thể kẻ ngang, kẻ dọc)

KẾ HOẠCH CHỦ NHIỆM

- Lớp:..... trường.....
- Năm học:.....
- GVCN:.....

STT		
1	Thời gian trong năm học	
2	Chủ đề hoạt động	
3	Mục tiêu cần đạt	
4	Thời gian và địa điểm dự kiến	
5	Những HS cần chú ý	
6	Những lực lượng tham gia	
7	Những điều kiện phục vụ hoạt động chủ đề	
8	Người chủ trì hoạt động	
9	Chú thích	

Giải thích thêm các nội dung trong kế hoạch:

1- Thời gian trong năm học là tính từ tháng 9 hàng năm.

- Tháng 1 và 2 thường vào dịp Tết âm lịch nên nhập vào làm một hoạt động.
- Thời gian nghỉ hè nên gộp lại thành một hoạt động có những nội dung khác nhau (vui chơi, ôn tập, thể dục thể thao...). Hoạt động hè rất phong phú, phức tạp, vì vậy cần có tổ chức, quản lí giữa nhà trường với gia đình và cộng đồng dân cư, tránh hiện tượng cho trẻ em vui chơi tự do sẽ dễ bị tác động của các ảnh hưởng tiêu cực.

2- Chủ đề hoạt động: Chủ đề hoạt động hằng tháng là tên của hoạt động, thể hiện mục tiêu giáo dục chung phải đạt tới theo yêu cầu giáo dục nhân cách HS tiểu học. Ví dụ tháng 9 là khai giảng mở đầu năm học cần giáo dục HS thái độ, nề nếp, làm quen với bạn mới, thầy mới đối với HS đầu cấp học. Giáo dục động cơ thái độ, ý thức tự giác trong học tập và rèn luyện, xây dựng quan hệ lành mạnh trong và ngoài nhà trường... Căn cứ vào mục tiêu giáo dục từ lớp 1 đến lớp 5 và căn cứ vào đặc điểm của HS, của cha mẹ HS... GVCN đặt ra một chủ đề, ví dụ “Em yêu trường em” với HS lớp 1,... GVCN tìm các biện pháp, hình thức hoạt động, tạo cơ hội cho các em được giao lưu làm quen với thầy, bạn, với không gian sinh hoạt của trường...

3- Mục tiêu cần đạt: Ở mục này, chủ yếu xác định trọng tâm những mục tiêu rèn luyện kỹ năng, hành vi trong giao tiếp ứng xử và thái độ cư xử ở HS, cung cấp kiến thức không phải là chủ yếu.

Ví dụ ở lớp 1 chủ đề “Em yêu trường em”, qua hoạt động, HS *bộc lộ sự cởi mở, vui vẻ, hồn nhiên...*

Về hành vi: Qua hoạt động, GVCN uốn nắn, động viên HS có những hành vi biết nhường nhịn, biết chia sẻ, biết giúp đỡ bạn bè... biết sử dụng ngôn ngữ và hành vi ứng xử phù hợp với hoàn cảnh cụ thể. Ví dụ khi bạn ngã, biết đỡ bạn dậy, biết hỏi “Bạn có đau không? Có sao không?”; biết thể hiện thái độ biết ơn người đã quan tâm, đã giúp đỡ mình...

Khi xác định mục tiêu giáo dục hằng tháng qua hoạt động giáo dục, không chỉ để định hướng trong giáo dục đối với GVCN, mà quan trọng hơn, GVCN phải tổ chức giải thích và gợi ý cách giáo dục cho các bậc cha mẹ ở nhà để tạo ra sự đồng thuận giáo dục giữa nhà trường và gia đình.

4- Thời gian và địa điểm dự kiến

- Thời gian dự kiến là vào lúc nào thì phù hợp nhất (buổi sáng hay chiều, vào ngày nghỉ hay trong giờ học, vào chủ nhật hay thứ 7 thì thu hút được những người tham gia đông nhất).
- *Dự kiến thời gian:* Là dự định bao nhiêu thời lượng cho hoạt động là phù hợp: 1 hay 2 tiếng hay 1 buổi hay 1 ngày... tùy thuộc vào nội dung và địa điểm tổ chức.
- *Xác định địa điểm tiến hành* là xác định không gian thực hiện (ở trong lớp, ở sân trường hay ngoài trường...). Căn cứ vào mục tiêu của chủ đề hoạt động mà xác định địa điểm tiến hành cho phù hợp vì địa điểm tiến hành sẽ góp phần minh họa cho chủ đề, thể hiện chủ đề bằng hình ảnh thực, HS qua đó sẽ có xúc cảm, tình cảm thực... Ví dụ, giáo dục truyền thống nên đưa các em đến các viện bảo tàng, những địa danh lịch sử...

Chủ đề “Em yêu trường em” ở lớp 1, nên cho các em đến thăm phòng truyền thống của trường, hoặc tổ chức tọa đàm, thăm quan những cơ sở sản xuất... của cựu HS đã thành đạt,...

5- Những HS cần lưu ý

Ở mục này, GVCN căn cứ vào mục tiêu của hoạt động, căn cứ vào đặc điểm của HS lớp chủ nhiệm để xác định cần tác động vào HS nào (có thể

là một cá nhân, một nhóm HS) nhằm phát triển, hay cần hình thành, uốn nắn thái độ, hành vi gì ở những em cần quan tâm.

Ví dụ: Có những em HS chưa có thái độ, hành vi thể hiện lòng hiếu thảo với cha mẹ thì nhân ngày 8/3 nên tìm những mẫu chuyện, những tiểu phẩm, những tấm gương của các em ở trong lớp... tạo ra được những tình huống, để HS cả lớp có cơ hội biểu hiện những cử chỉ, hành vi đẹp đối xử với mẹ, chẳng hạn cắt dán một bông hoa, làm một bức thiệp chúc mừng mẹ, gợi ý các em viết lời chúc mừng mẹ... Khi hướng dẫn cả lớp, GVCN nên quan tâm tới những em cần tác động nhiều hơn. Với những em cần quan tâm đó nên gọi điện trao đổi với bố mẹ, chẳng hạn: "... Hôm nay cháu có cố gắng làm món quà nhỏ tặng mẹ 8/3, anh chị nên khích lệ, động viên con giúp tôi" (Tuỳ theo tuổi mà xưng hô *giúp em, giúp chị* cho thân mật với cha mẹ HS). Gọi điện thoại cho bố mẹ là một mũi tên bắn 2 đích, chắc chắn là bố mẹ phải suy nghĩ về GVCN của con và nếu được bố mẹ trân trọng, động viên, chắc chắn những HS đó sẽ ngoan dần lên.

GVCN cần quan tâm giáo dục cả em tốt và những em có hành vi chưa đáp ứng yêu cầu giáo dục. Không nên chỉ để ý tới những em yếu, kém hoặc chỉ quan tâm tới những em ngoan, giỏi.

6- Những lực lượng tham gia

Các thầy cô giáo chủ nhiệm cần xác định lực lượng tham gia không chỉ trong buổi tổ chức hoạt động mà *cần xác định lực lượng xã hội sẽ thường xuyên quan tâm giáo dục các em ở nhà, ở cộng đồng xã hội*. Vì vậy, muốn giáo dục những em cần quan tâm giáo dục, ngoài cha mẹ gia đình HS, cần thu hút những người gần gũi với em và gia đình em đó như Hội Phụ nữ, Hội Người cao tuổi, tổ trưởng, tổ phó dân phố, công an khu vực...

Để thu hút sự tham gia vào buổi sinh hoạt theo chủ đề, GVCN cần mời những thầy cô giáo trong trường, những nhà quản lí, cán bộ nghiên cứu khoa học, những người có hiểu biết về chủ đề sinh hoạt; cũng nên mời những cựu HS đã thành đạt hoặc đã đi làm...

7- Những điều kiện phục vụ cho hoạt động chủ đề

Muốn tổ chức một hoạt động, tùy mức độ của phạm vi hoạt động và thời gian tiến hành, GVCN phải tính toán tới điều kiện cơ sở vật chất, kinh phí cho các hoạt động:

- Trang trí bàn ghế, lọ hoa...;

- Những tư liệu, tranh ảnh, băng hình;
- Một ít tặng phẩm làm phần thưởng.

Nếu phải tổ chức ở ngoài trường thì phải tính toán tới an toàn sức khỏe (thuốc men), xe cộ, ăn uống...

Để có những điều kiện phục vụ cho hoạt động, GVCN nên bàn với Hội cha mẹ HS của lớp và mời Hội cha mẹ HS cùng GVCN tham gia tổ chức quản lí HS.

8- Người chủ trì các hoạt động giáo dục

Lâu nay, GVCN thường là người chủ trì, trực tiếp tổ chức các hoạt động của lớp chủ nhiệm. Xuất phát từ vị trí của GVCN trong việc thực hiện mục tiêu giáo dục phổ thông, đòi hỏi GVCN phải có năng lực tổ chức tốt việc liên kết với các lực lượng giáo dục xã hội, phát huy tiềm năng toàn bộ xã hội vào thực hiện mục tiêu, nội dung hoạt động giáo dục.

Việc GVCN nghiên cứu khai thác tìm người chủ trì các hoạt động của lớp chủ nhiệm không phải vì GVCN không đủ năng lực làm mà *chủ yếu tạo ra sự thống nhất tác động, mặt khác để có cơ hội xây dựng môi trường giáo dục thân thiện; tận dụng chất xám, trí tuệ, kinh nghiệm của mọi người cùng góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục*, bởi “Quá trình phát triển nhân cách là tổng hoà các tác động, các quan hệ xã hội”.

Khi nghiên cứu phân loại đặc điểm các lực lượng xã hội, GVCN cần phân biệt những ai có thể sử dụng với tư cách là cộng tác viên thường xuyên, và ai là cộng tác viên trong những hoạt động cụ thể để đưa vào kế hoạch chủ nhiệm cả năm hay từng tháng.

Việc phối hợp, sử dụng các lực lượng xã hội, GVCN cũng nên bàn thống nhất với ban đại diện cha mẹ HS vì họ là người nắm vững hoàn cảnh, khả năng các gia đình khác và có thể động viên các bậc cha mẹ tích cực tham gia các hoạt động phối hợp với GVCN.

4. Nhiệm vụ 4: Xây dựng tập thể HS thành một tập thể tự giáo dục

GVCN nói chung, đặc biệt GVCN tiểu học phải biết xây dựng tập thể HS thành một tập thể có khả năng tự giáo dục - chính tập thể HS là một lực lượng giáo dục. Về lí luận cũng như thực tế, sự tác động lẫn nhau giữa các thành viên của một tập thể có ý nghĩa giáo dục rất lớn. Chính vì vậy, chúng ta thường nói “Học thầy không tầy học bạn”.

4.1. Các đặc điểm của tập thể giáo dục

Một tập thể HS trở thành một tập thể có tác dụng giáo dục khi có 5 đặc điểm chủ yếu: có mục đích chung, có hoạt động chung, có đội ngũ tự quản, có kỉ luật tự giác và có dư luận lành mạnh. Để có 5 đặc điểm đó, phải trải qua 3 giai đoạn phát triển: giai đoạn đang hình thành, giai đoạn đã hình thành và giai đoạn tập thể phát triển. Căn cứ vào 5 đặc điểm mà xác định các giai đoạn.

Ở mỗi lứa tuổi (HS tiểu học, HS THCS và THPT), những đặc điểm trên cũng có những dấu hiệu biểu hiện khác nhau.

– Đặc điểm thứ nhất: “Tập thể có mục đích chung”

Ở HS tiểu học, đó là những ngày đầu, tuần đầu các em tới trường để vào học lớp 1, các em còn đang bỡ ngỡ trước những quan hệ mới giữa thầy trò, bạn bè, môi trường học tập, hoạt động vui chơi, đặc biệt chưa quen với cách tổ chức học tập.

Ở các lớp tiếp theo như lớp 2, 3, 4, 5, mức độ làm quen với nội dung dạy học, phương pháp học tập, rèn luyện, trong quan hệ, trong không gian, thời gian càng mở rộng; không chỉ trong nhóm, trong lớp mà còn với các lớp khác trong trường, với các đối tượng trong trường, với môi trường thiên nhiên ngày càng phong phú.

Ở HS tiểu học, biểu hiện ở HS có mục đích chung là các em có nhận thức, có hiểu biết về sự khác nhau vào học lớp 1 so với học mẫu giáo, được học nhiều thứ hơn (nhiều môn hơn), có nhiều thầy cô giáo, bạn bè hơn và cũng cần học tập nghiêm túc hơn, cần cố gắng hơn và gắn kết với các bạn, các thầy cô hơn.

Ở các lớp tiếp theo (2, 3, 4, 5), các em bắt đầu ý thức rõ ràng hơn sự gắn bó với thầy cô và bạn bè; ý thức tự giác, vui vẻ tham gia các hoạt động của lớp... càng tăng lên. Các em cũng được uốn nắn để có những hành vi đúng với chuẩn hành vi theo yêu cầu giáo dục tiểu học. Các em cũng thể hiện xúc cảm, tình cảm với bạn bè và tập thể lớp hơn... Nhiều em bắt đầu thể hiện sự quan tâm tới bạn bè, thầy cô, biết chia sẻ niềm vui, nỗi buồn, biết giúp đỡ, thăm hỏi...

Tóm lại, đặc điểm “có mục đích chung” ở HS tiểu học là HS thấy gắn bó với các hoạt động chung của tập thể, có nhu cầu được chia sẻ, được giúp đỡ và mong muốn tham gia vào các hoạt động chung của lớp.

Còn ở HS THCS và THPT, đặc điểm có mục đích chung là mỗi HS hiểu được mục đích sống của mỗi người nằm trong mục đích của tập thể của cộng đồng dân tộc. Có nhận thức đúng và hành động phù hợp, đặt lợi ích của cá nhân trong lợi ích của tập thể lớp, tập thể trường học và cộng đồng. Mỗi HS biết tôn trọng những lợi ích của tập thể, tôn trọng danh dự, uy tín của tập thể, mong muốn được thực hiện những việc tập thể lớp, trường đặt ra; mong muốn được chia sẻ, giúp đỡ bạn bè, những người xung quanh để thấy cuộc sống có ý nghĩa cùng tiến bộ.

Khi HS xác định sống không chỉ vì cá nhân mà vì mọi người xung quanh, vì sự tiến bộ chung của tập thể thì mục đích của tập thể trở thành động cơ của nhận thức và hành động của mỗi thành viên trong lớp chủ nhiệm.

GVCN phải luôn làm cho mỗi HS hiểu ý nghĩa của việc gắn bó, liên kết giữa các thành viên trong tập thể lớp học.

- Đặc điểm thứ 2 của một tập thể giáo dục là "Có hoạt động chung"

"Hoạt động chung" của một tập thể là mọi người xuất phát từ mục tiêu phấn đấu chung, được bàn bạc nhất trí cần phải làm những gì? Mọi người phải làm gì? Và làm vào thời điểm nào?... Có hoạt động chung thực chất là xây dựng được một kế hoạch hoạt động trong đó mọi thành viên đều được phân công cụ thể, có trách nhiệm thực hiện và tự giác thực hiện để những dự định được thực hiện tốt đẹp và có hiệu quả.

- Ở HS tiểu học: GVCN phải là người phác thảo kế hoạch hoạt động chung cho lớp chủ nhiệm, nhất là những lớp đầu cấp (từ lớp 1 đến lớp 3). Sau đó giải thích cho đội ngũ tự quản và HS cả lớp kế hoạch hoạt động của lớp trong 1 năm. Ở lớp cuối cấp (lớp 4 và lớp 5), GVCN có thể gợi ý để HS tự đề xuất những việc cần thực hiện trong mỗi tháng, đề cử người phụ trách những công việc cụ thể và các em đề xuất biện pháp, thời gian, không gian thực hiện... để hình thành ở các em kỹ năng xây dựng kế hoạch, kỹ năng tổ chức, quản lí...

Có kế hoạch hoạt động chung của một tập thể lớp học là cụ thể hoá mục tiêu hoạt động chung của tập thể. Kế hoạch hoạt động chung được triển khai là cơ hội, là điều kiện gắn kết các thành viên trong lớp chủ nhiệm.

- Đặc điểm thứ 3 là tập thể "có đội ngũ tự quản" phù hợp với đặc điểm của quá trình phát triển của tập thể lớp chủ nhiệm.

Ở HS tiểu học, cần căn cứ vào đặc điểm tâm lí HS tiểu học, căn cứ vào đặc điểm của lớp chủ nhiệm, căn cứ vào mục tiêu giáo dục ở tiểu

học,... GVCN đưa dự kiến, đội ngũ tự quản (bao gồm lớp trưởng, lớp phó, cán sự phụ trách từng mặt hoạt động, đội ngũ tự quản còn bao gồm Ban chỉ huy Chi đội Thiếu niên Tiền phong của lớp chủ nhiệm).

HS tiểu học, nhất là *những lớp đầu cấp*, còn thiếu kinh nghiệm sống, nhưng lại có nhu cầu hoạt động, có nhu cầu được chia sẻ, giàu xúc cảm... Vì vậy, đội ngũ tự quản nên chọn *những em cởi mở, biết nhường nhịn, biết lắng nghe, biết quan tâm giúp đỡ bạn bè, biết thuyết phục bạn bè... làm đội ngũ tự quản.*

- Căn cứ vào mục tiêu giáo dục, nội dung giáo dục toàn diện của mỗi lớp ở tiểu học và những em cần rèn luyện mà lựa chọn đội ngũ tự quản đáp ứng yêu cầu hoạt động của lớp chủ nhiệm. Những em kĩ năng còn yếu cần rèn luyện từng mặt thì bố trí những công việc hằng tuần và những công việc cụ thể để HS được rèn luyện, luyện tập dần từ dễ đến khó.

- *Đặc điểm thứ 4 là "Tập thể có kỉ luật tự giác"*

Có kỉ luật tự giác là các thành viên có ý thức và hành vi tuân theo những quy định của tập thể đã được bàn bạc thống nhất một cách tự nguyện, không phải ai nhắc nhở, đôn đốc. Mọi thành viên trong tập thể nhận thức được trách nhiệm tham gia trong tập thể, nhận thức được trách nhiệm tham gia những công việc vừa là trách nhiệm vừa là niềm vui được góp phần đóng góp cho tập thể, xã hội, thấy lợi ích của cá nhân trong lợi ích chung của mọi thành viên.

Ở mức cao hơn, không chỉ tuân thủ những quy định của tập thể mà còn tự giác chấp hành những quy định của pháp luật, những chuẩn mực đạo đức của xã hội.

Với HS tiểu học, đặc điểm "có kỉ luật tự giác" chỉ đòi hỏi các em vui vẻ chấp hành những quy ước của tập thể, nghiêm túc thực hiện nội quy nhà trường, cố gắng tích cực tham gia các hoạt động của lớp, của Chi đội Thiếu niên Tiền phong. Với HS tiểu học, không thể đòi hỏi các em hoàn toàn tự giác thực hiện quy định. Cô giáo, cán bộ lớp cần thường xuyên nhắc nhở các em, động viên, khuyến khích các em tích cực tham gia các hoạt động.

Một điều đáng lưu ý là với HS tiểu học, GVCN không nên có những quy định phức tạp, dài dòng vì trẻ nhỏ nhớ nên không thực hiện hết được. Cần quy định rất ngắn gọn, phân công cụ thể theo lịch hoạt động hằng tháng, hằng tuần.

- *Đặc điểm thứ 5 là “Cò du luận tập thể lành mạnh”.*

Trong xã hội, trong một tập thể luôn luôn có các dòng du luận khác nhau theo cách nhìn và quan điểm khác nhau về các hiện tượng xảy ra xung quanh.

“Du luận tập thể lành mạnh” là quan điểm chung của số đông người, đánh giá các hiện tượng, cá nhân trong tập thể và trong xã hội. Du luận tập thể lành mạnh là sự ủng hộ cái mới, cái tích cực, góp ý với cá nhân có những biểu hiện không lành mạnh trong học tập, trong hoạt động một cách khách quan, không né tránh, nể nang, sợ trừ úm,... xuất phát từ sự tiến bộ của mỗi cá nhân và vì tập thể, vì danh dự của một tập thể. Vì thương nhau, các thành viên trong tập thể sống chan hoà, vui vẻ, nhiệt tình tham gia mọi hoạt động.

Ở HS tiểu học: *“Cò du luận lành mạnh”* là các em sống gần bó, thương yêu nhau, không nói xấu nhau, không ghen tị, luôn luôn ủng hộ những bạn tích cực, ủng hộ và tham gia các hoạt động của lớp, sẵn sàng thẳng thắn góp ý lẫn nhau... tạo ra một bầu không khí sống, hoạt động sôi nổi. Makarenkô gọi một tập thể có du luận lành mạnh là một tập thể sống sôi động, luôn nhìn về phía trước tới những điều tốt đẹp, *chí bền và thống nhất hành động thực hiện mục tiêu của tập thể*, không bàn ngang, *“chỉ thấy màu hồng”* không buồn chán, không có tư tưởng *“rã đám”*...

Du luận tập thể lành mạnh có ý nghĩa rất lớn trong giáo dục vì du luận xã hội (du luận tập thể) có khả năng điều chỉnh suy nghĩ và hành động của mỗi cá nhân tự nguyện tuân theo những quy định, làm theo lẽ phải, thực hiện những chuẩn mực của tập thể, của xã hội, tạo ra các trạng thái tâm lý hồ hởi, vui vẻ, giải phóng tiềm năng và sự sáng tạo của mỗi người.

Mỗi đặc điểm có ý nghĩa nhất định đối với sự phát triển của một tập thể giáo dục. Đặc điểm thứ nhất là tiền đề gần bó các thành viên trong một tập thể, tạo ra sự đồng tâm trong suy nghĩ và hoạt động. Đặc điểm có hoạt động chung là điều kiện, là cơ hội gắn kết mọi người với nhau, vì chỉ có hoạt động chung, mọi người mới có cơ hội bộc lộ suy nghĩ, khả năng và có cơ hội giúp đỡ nhau, chia sẻ để hiểu và thông cảm với nhau. Đặc điểm có đội ngũ tự quản là thể hiện tổ chức quản lý của một tổ chức. Sức mạnh của một tập thể là tổ chức. Có tổ chức hoạt động mới biến mục tiêu, ý tưởng, kế hoạch thành hiện thực. Đặc điểm có kỉ luật tự giác là động lực bên trong, điều chỉnh hành vi mỗi người. Đặc điểm có du luận lành mạnh góp phần điều chỉnh suy nghĩ, hành vi của mỗi cá nhân khi có những biểu hiện thiếu tích cực và ủng hộ những cá nhân tích cực.

Những đặc điểm trên là một hệ thống tác động ràng buộc lẫn nhau, nó vừa là điều kiện cho một tập thể phát triển, vừa phản ánh phong cách của một tập thể giáo dục.

Tập thể phát huy vai trò giáo dục khi có đầy đủ 5 đặc điểm trên. Để có 5 đặc điểm, GVCN cần hiểu các bước hình thành các đặc điểm đó để chủ động xây dựng tập thể lớp chủ nhiệm.

4.2. Quá trình xây dựng một tập thể lớp thành tập thể tự giáo dục

Tập thể phát triển qua 3 giai đoạn:

- *Giai đoạn tập thể đang hình thành (giai đoạn 1):*

Tập thể đang hình thành là giai đoạn các đặc điểm chưa hình thành.

Đó là khi HS mới nhập trường đã được biên chế vào các lớp và đã phải tuân theo sự chỉ đạo của GVCN, có ban cán sự lớp tạm thời. HS đầu cấp bắt đầu làm quen với bạn mới, thầy cô giáo chủ nhiệm mới, được học tập nội quy của trường, được phổ biến lịch, thời khoá biểu học tập và hoạt động...

Có thể nói giai đoạn tập thể đang hình thành là thời gian HS làm quen với môi trường mới đối với HS đầu cấp. Còn những lớp tiếp theo như lớp 2, 3, 4, 5 thì trọng tâm là làm quen với nhiệm vụ mới, kế hoạch học tập, rèn luyện của năm học.

Cải móc chuyển từ giai đoạn “đang hình thành” sang giai đoạn “tập thể đã hình thành” là sau đại hội của các tổ chức tự quản.

- *Giai đoạn tập thể đã hình thành (giai đoạn 2)*

Gọi là tập thể đã hình thành được đánh dấu bằng việc tổ chức xong các đại hội của lớp, bầu ra ban cán sự, chi đội Thiếu niên tiên phong, thống nhất kế hoạch các chỉ tiêu, nội dung học tập, rèn luyện của tập thể lớp.

Việc tiến hành xong các đại hội đầu năm học (thường sau 1, 2 tháng của học kì I) khi thông qua cương lĩnh kế hoạch hành động và có bàn bạc, biểu quyết là thể hiện sự nhất trí của cả tập thể: có mục đích chung, có kế hoạch hoạt động chung, thống nhất những quy định là thể hiện bước đầu có kỉ luật tập thể. Khi bầu ra ban cán sự là thể hiện sự tự nguyện bầu ra người đại diện, có đủ uy tín, trách nhiệm lãnh đạo lớp.

- *Giai đoạn 3 gọi là “tập thể phát triển”*

“Tập thể phát triển” là giai đoạn một tập thể có đầy đủ cả 5 đặc điểm, tiêu biểu nhất là đặc điểm “*có du luận lành mạnh*” và “*có kỉ luật tự giác cao*”.

Đó là những điều kiện phát huy tiềm năng của mỗi thành viên. Tập thể phát triển là khi mọi người tình nguyện nhận công việc, không đợi phải phân công của đội ngũ tự quản hay của GVCN. Một tập thể thật sôi động, luôn hướng tới lợi ích chung, chăm lo đến sự tiến bộ của nhau và danh dự của tập thể, mọi thành viên sống trung thực thẳng thắn đoàn kết thực sự, góp ý chân thành, không ngại hiểu lầm...

Khi GVCN xây dựng tập thể đến giai đoạn 3 là lúc tác động giáo dục của tập thể rất lớn. Makarenkô so sánh sức mạnh của tập thể như nhà sư phạm (GVCN) thứ hai. Đến giai đoạn 3, GVCN có vai trò là “người cố vấn” cho tập thể lớp chủ nhiệm, để điều chỉnh hoạt động của lớp chủ nhiệm cho hợp lý và đi đúng hướng. GVCN có khi phải “phanh” bớt sự bốc đồng của HS.

4.3. Bồi dưỡng năng lực tự quản cho tất cả mọi thành viên của lớp chủ nhiệm là một trong những nhiệm vụ xây dựng tập thể lớp chủ nhiệm

Trước đây, thường xác định nhiệm vụ của GVCN là xây dựng bộ máy tự quản của lớp học và bồi dưỡng năng lực tự quản cho đội ngũ đó có đủ hiểu biết và có kĩ năng tổ chức lớp tự quản. Nhiều GVCN làm chủ nhiệm cả khoá học, cấp học giữ nguyên đội ngũ cán bộ tự quản trong suốt cấp học.

Yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay, GVCN phải phân loại được trình độ HS và có kế hoạch tổ chức rèn luyện cho tất cả HS có kĩ năng, phát triển năng lực của từng em thông qua các hoạt động tự quản. Vì vậy, GVCN cần xác định những yêu cầu, nhiệm vụ của đội ngũ cán bộ tự quản và hệ thống trợ lí để mỗi em phải được rèn luyện “BIẾT RA LỆNH VÀ TUÂN LỆNH”.

- Trước hết, GVCN phải nắm vững yêu cầu mức độ rèn luyện kĩ năng tự quản cho HS.
- + *Yêu cầu rèn luyện kĩ năng tự quản cho HS*

Lớp trưởng là người quản lí hoạt động toàn diện HS của lớp trong một năm học, do đại hội lớp bầu ra (không có lí do đặc biệt thì không thay đổi lớp trưởng, lớp phó).

Ở tiểu học, các em chưa có kĩ năng quản lí nhiều mặt, vì vậy GVCN phải hướng dẫn các em ngay sau khi đại hội đầu năm học của mỗi lớp. Căn cứ vào yêu cầu rèn luyện mà GVCN cần tổ chức rèn luyện cho đội ngũ tự quản từ lớp 1 đến lớp 5 để dần dần có những kĩ năng sau:

- Xác định được nhiệm vụ của đội ngũ tự quản và của các thành viên:
- + Biết xây dựng kế hoạch hoạt động (1 tuần, một việc, một buổi sinh hoạt, cuối cấp có thể xây dựng kế hoạch năm học).
- + Có kĩ năng ghi chép biên bản, giữ gìn bảo quản sổ sách của lớp (sổ đầu bài, nhật kí, sổ biên bản của lớp...).
- + Biết trang trí, sắp xếp chỗ ngồi hợp lí của một buổi sinh hoạt tập thể.
- + Có kĩ năng điều khiển một hoạt động tập thể.
- + Biết phân tích, đánh giá tình hình chung của lớp.
- + Biết tổ chức hội ý công việc của đội ngũ tự quản.
- + Biết báo cáo, xin ý kiến GVCN, các thầy cô và các tổ chức trong nhà trường phù hợp với chức năng.
- + Có kĩ năng phối hợp công việc với Liên chi đội và Tổng phụ trách.
- + Biết trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm với các bạn trong lớp.
- + Có kĩ năng giao tiếp, ứng xử giải quyết những mâu thuẫn giữa các bạn, nhóm bạn trong lớp để không xảy ra mất đoàn kết.
- + Biết tổ chức phân công các bạn trong học tập và hoạt động tập thể phù hợp với khả năng các bạn và điều kiện cụ thể.
- + Có một số kĩ năng hoạt động xã hội như tham gia các hoạt động ở cộng đồng.

Xây dựng tập thể lớp chủ nhiệm thành một tập thể giáo dục là một yêu cầu khách quan tất yếu vì quá trình phát triển nhân cách, nhất là HS phổ thông (đặc biệt HS tiểu học) luôn chịu ảnh hưởng của các bạn trong tập thể lớp học.

Chính xuất phát từ quy luật của quá trình phát triển nhân cách, các nhà sư phạm lỗi lạc trên thế giới đã xây dựng một hệ thống lí luận về “giáo dục trong tập thể và bằng tập thể” [7].

Muốn thực hiện các “*Biện pháp giáo dục tác động song song*”, “*Giáo dục bằng kỉ luật*”, “*Giáo dục bằng viễn cảnh*”,... GVCN cần thực hiện kết hợp giữa “*tác động tay đôi*” và tác động giáo dục thông qua tập thể mà điển hình là “*Phương pháp tác động song song*”.

- “*Phương pháp tác động tay đôi*” (còn gọi là tác động trực tiếp) là sự tác động trực tiếp tới mỗi HS cần giáo dục. Còn “*phương pháp tác động song song*” là nhà sư phạm không tác động trực tiếp tới đối tượng giáo dục mà tác động vào tập thể đối tượng đang học tập và hoạt động; thông qua sự tác động của các thành viên, sử dụng dư luận của tập thể, sử dụng sự

giúp đỡ lẫn nhau trong một tập thể để điều chỉnh hành vi của chính em HS mà GVCN muốn giáo dục.

Cần hiểu phương pháp giáo dục cá nhân không phải tập trung vào một vài cá nhân riêng lẻ như những em hư hoặc những em ngoan mà quên đại bộ phận những em khác trong lớp. Phương pháp giáo dục cá nhân là chuyên biệt hoá mức độ tác động đến mỗi cá nhân sao cho phù hợp với từng đối tượng, bao gồm các việc xác định mức độ của yêu cầu, lựa chọn phương pháp, hình thức giáo dục và cường độ tác động. Ví dụ: Một em học yếu kém không thể yêu cầu học giỏi ngay. Những em học yếu do sức khoẻ, do hoàn cảnh gia đình khó khăn không thể sử dụng các phương pháp như đối với những em học yếu do lười, không chăm chỉ. Cùng một hiện tượng hư, nhưng nguyên nhân của nó rất khác nhau, không thể sử dụng một phương pháp nào cho tất cả mọi HS có biểu hiện giống nhau và khi sử dụng một phương pháp, cũng không thể giống nhau về cường độ tác động.

Phương pháp giáo dục cá nhân còn gọi là phương pháp giáo dục trực tiếp hoặc phương pháp giáo dục tay đôi. Đó là sự tác động trực tiếp, trực diện giữa GVCN với đối tượng (HS) cần tác động bằng cảm hoá, mệnh lệnh, thuyết phục hoặc cưỡng bức, buộc đối tượng phải thực hiện các yêu cầu (dù đối tượng tự giác hay chưa tự giác) và chấp nhận các quan điểm chuẩn mực hành vi hoặc làm một việc gì đó theo mục tiêu giáo dục.

Bằng uy tín và vị thế của GVCN, phương pháp tác động trực tiếp đem lại hiệu quả tức thời (chẳng hạn ngăn cản HS nói chuyện trong lớp, gây gỗ, hút thuốc lá... hoặc với những HS có hành vi tốt, kịp thời động viên, tuyên dương bằng lời hoặc cho điểm tốt...).

Tác động trực tiếp thường gây dấu ấn ngay, tạo ra những chuyển biến tâm lý ở thái độ, tình cảm, hành vi và *có tác dụng tích cực* nếu GVCN tác động kịp thời, đúng với mức độ, tính chất của hiện tượng ở HS (kể cả biểu hiện hư và ngoan). Kết quả của sự tác động phụ thuộc vào tình cảm, thái độ, nghệ thuật của GVCN khi tác động. Tác động trực tiếp có tác dụng khi GVCN có *linh cảm sư phạm tốt*, nghĩa là GVCN phải dự báo được hiệu quả của các tác động, phải *chấn đoán đúng* sự phản ứng của đối tượng, đánh giá đúng mức độ, tính chất của hiện tượng xảy ra ở HS và lựa chọn hình thức tác động phù hợp. Nhiều khi biện pháp và hình thức tác động không tương xứng với tính chất của sự việc sẽ gây ra hậu quả không lường trước. Ví dụ HS đến lớp muộn vì phải giúp đỡ những người gặp nạn trên đường đi học, GVCN phê bình ngay là thiếu ý

thức kỉ luật khi em vừa vào lớp là không nên. Không đáng khen mà khen cũng gây tác động không tốt. Không đáng phê bình mà phê bình thì sẽ làm cho HS thiếu lòng tin, bi quan, hậm hực. “Không nên dùng rìu để mổ gà” - đó là lời khuyên đối với GVCN khi xử lí các hiện tượng trong lớp phụ trách.

- Ngược lại với phương pháp tác động tay đôi là “*phương pháp tác động song song*”. Theo Makarenkô, “tác động song song” là nhà sư phạm không tác động trực tiếp tới đối tượng mà thông qua tập thể tổ, lớp học, dùng dư luận của tập thể thông qua các thành viên trong cùng tập thể, HS tác động tới đối tượng định tác động.

Bản chất của phương pháp tác động song song là xây dựng tập thể HS thành môi trường lành mạnh, thiết lập quan hệ tốt giữa các thành viên, dùng quan hệ tập thể, dư luận lành mạnh của tập thể tác động, chi phối nhận thức, thái độ, tình cảm, hành vi của mỗi cá nhân. Qua dư luận và truyền thống của tập thể, vì danh dự của tập thể, mỗi thành viên tự giác điều chỉnh thái độ, hành vi của bản thân mình.

Tác động song song nghĩa là GVCN không tác động trực tiếp tới đối tượng HS mà thông qua các thành viên khác của lớp chủ nhiệm (có thể là lớp trưởng, ban cán sự lớp, chấp hành chi đoàn, nhóm, tổ, hoặc cả lớp...) để các thành viên tác động lẫn nhau, nhắc nhở nhau.

Cơ sở khoa học của phương pháp tác động song song là dùng dư luận tập thể (dư luận xã hội) để điều chỉnh nhận thức, thái độ, hành vi của cá nhân, phát huy vai trò làm chủ tập thể và năng lực tự quản của các thành viên.

Muốn phát huy hiệu quả của phương pháp tác động song song, GVCN phải có uy tín, nắm vững đối tượng giáo dục, có trách nhiệm cao, nắm vững quy trình xây dựng tập thể HS lớp chủ nhiệm; thầy, cô chủ nhiệm và tập thể lớp phải thiết lập được sự thông cảm lẫn nhau.

Phương pháp tác động song song chỉ sử dụng có hiệu quả khi tập thể HS phát triển đến giai đoạn 2 và 3.

Phương pháp tác động song song chỉ phát huy tác dụng trong một tập thể HS phát triển và có đầy đủ cả 5 đặc điểm trên, song đặc điểm có “dư luận tập thể lành mạnh” là nhân tố quan trọng nhất đảm bảo để tập thể là môi trường và lực lượng giáo dục.

- GVCN cần hiểu và vận dụng được “phương pháp bùng nổ su phạm” trong giáo dục HS lớp chủ nhiệm.

“Bùng nổ su phạm” là phương pháp, là nghệ thuật giáo dục tác động vào đối tượng có vấn đề đặc biệt tốt hoặc chưa tốt, về bản chất đó là tác động tay đôi (tác động trực tiếp) nhưng được sử dụng với cường độ tác động mạnh, bất ngờ vào quá trình hưng phấn hoặc ức chế của hoạt động sinh lí thần kinh dẫn tới thay đổi các quá trình tâm lí, các trạng thái, thế giới quan, lí tưởng... và hành vi của cá nhân.

Phương pháp bùng nổ su phạm phải được tiến hành một cách hệ thống theo mục tiêu xác định. Không ít HS lười học, bi quan, mất lòng tin, mặc cảm hoặc tự phụ, chủ quan do đặc điểm tâm sinh lí mà trong phong trào của HS có lúc “bốc” lên như điều gặp gió, cũng có lúc xẹp xuống như quả bóng xì hơi... Trong tất cả những trường hợp đó, có thể dùng phương pháp này để “kích” lên như hiện tượng “tăng ga”, “lên dây còt” hoặc tương tự như “một cái phanh” làm giảm bớt những biểu hiện “quá đà”, quá “bốc”.

Phương tiện để “bùng nổ” là ngôn ngữ, là một cử chỉ hành vi hoặc một quyết định của GVCN. Ví dụ một HS gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (ốm đau, hoạn nạn...), trong lúc đang bi quan tột độ nếu được sự động viên tinh thần, giúp đỡ có hiệu quả của GVCN và tập thể lớp, gây được xúc cảm, tình cảm, để lại dấu ấn mạnh và HS đó vượt qua được sự bế tắc, khó khăn thì đó là sự bùng nổ su phạm có hiệu quả.

Khi sử dụng phương pháp bùng nổ su phạm phải biết “chớp thời cơ” và cũng phải tạo ra thời cơ. Ví dụ, một GVCN phán đoán ra một HS lầy cấp của bạn tuy không bắt được quả tang, GVCN đó đã không “đao to búa lớn”... mà rủ HS đó về nhà chơi rồi tâm sự, kể chuyện về những tấm gương trung thực là HS cũ (tác động như ngẫu nhiên). Về thực chất, GVCN đã đưa em vào cuộc đấu tranh nội tâm rất quyết liệt... Sau một đêm đấu tranh, HS trên đã đem trả bạn và xin lỗi.

Lưu ý rằng bùng nổ su phạm như một con dao 2 lưỡi; nếu để đối tượng biết ý đồ của nhà su phạm thì sẽ không có tác dụng. Có thể sử dụng phương pháp này đối với cá nhân và cũng có thể áp dụng đối với nhóm, tập thể lớp.

Ngoài những phương pháp giáo dục trên, GVCN cần trau dồi, nắm vững và biết sử dụng các phương pháp khác như: giáo dục bằng truyền thống, giáo dục bằng hệ thống viễn cảnh, giáo dục bằng kỉ luật sinh hoạt... Đó là những phương pháp giáo dục hành vi đạo đức, nhân cách HS rất có hiệu quả.

5. Nhiệm vụ 5: Đánh giá giáo dục, rèn luyện toàn diện HS lớp chủ nhiệm ở tiểu học

Đánh giá kết quả giáo dục HS là một trong những nội dung lớn và hết sức quan trọng của công tác chủ nhiệm lớp. Bởi lẽ nó không chỉ phản ánh kết quả giáo dục HS mà còn phản ánh định hướng nội dung của công tác chủ nhiệm. Đánh giá đúng sẽ là một động lực giúp HS nỗ lực rèn luyện tu dưỡng, phát huy những ưu điểm, sẽ khích lệ, động viên HS không ngừng rèn luyện, phấn đấu vươn lên hoàn thiện mình. Nói cách khác, sự đánh giá đúng và mang tính giáo dục sẽ mang lại kết quả giáo dục. Ngược lại, sự đánh giá không đúng, không khách quan đối với HS của nhà trường nói chung, của GVCN nói riêng sẽ đưa lại hậu quả xấu - phản giáo dục. Hậu quả này không lường trước được, không đo đếm được. Trong thực tế, sự đánh giá sai lầm của một số GVCN (có thể cố tình hay vô tình) đã dẫn tới những phản ứng của HS. Vì vậy, yêu cầu phải đánh giá đúng, khách quan là yêu cầu có tính nguyên tắc đối với GVCN trong việc đánh giá thành tích của lớp và của từng HS.

Để đánh giá được kết quả giáo dục đạo đức HS, cần căn cứ vào các chỉ tiêu giáo dục đạo đức trong nhà trường. Đó là các phẩm chất đạo đức cần được giáo dục thông qua thái độ, hành vi ứng xử trong các mối quan hệ đa dạng của các em như: đối với công việc, đối với xã hội, đối với mọi người, với bản thân mình.

- Đối với công việc: Đánh giá tinh thần tự giác, tích cực học tập, tinh thần trách nhiệm và quan tâm đến hiệu quả học tập; tham gia lao động và các hoạt động tập thể, tận tụy trong mọi công việc và hoàn thành tốt các công việc được giao.
- Đối với mọi người và xã hội: Đánh giá lòng nhân ái, vị tha, hướng thiện, đoàn kết giúp đỡ bạn bè, kính trọng người lớn, giúp đỡ người tàn tật, thương yêu, nhường nhịn em nhỏ, tôn trọng pháp luật, bảo vệ của công, bảo vệ môi sinh, có ý thức cộng đồng và hợp tác.
- Đối với bản thân: Đánh giá lòng tự trọng bản thân và ý thức trách nhiệm với bản thân. Điều này được thể hiện ở cách ăn mặc gọn gàng, sạch sẽ, phù hợp với lứa tuổi; nói năng lịch sự, lễ phép, văn minh; quyết tâm khắc phục những yếu kém của bản thân để không ngừng tiến bộ, sống có hoài bão, ước mơ.

Tóm lại, đánh giá kết quả giáo dục HS cũng chính là giáo dục các em. GVCN cần tổ chức cho HS tham gia vào quá trình tự đánh giá và đánh giá

kết quả rèn luyện của bản thân mỗi em và của cả lớp nói chung theo các phẩm chất nói trên. Việc tổ chức cho các em tham gia vào quá trình tự đánh giá và đánh giá sẽ giúp các em tự điều chỉnh thái độ, hành vi của mình và rèn luyện cho các em năng lực tự hoàn thiện nhân cách.

Đánh giá giáo dục toàn diện HS tiểu học cần căn cứ vào hai mặt chính: Kết quả học tập văn hoá các môn học và quá trình tham gia hoạt động tập thể ở lớp, biểu hiện ra ở thái độ, hành vi, kĩ năng trong cuộc sống.

- Mục tiêu và nội dung giáo dục đạo đức và văn hoá, những yêu cầu rèn luyện kĩ năng, hành vi được thể hiện trong môn Đạo đức ở tiểu học và đó cũng là yêu cầu của việc đánh giá về hành vi và thái độ của HS tiểu học. *GVCN cần nắm vững hệ thống mục tiêu và nội dung của môn Đạo đức toàn cấp tiểu học* vì mỗi bài là một yêu cầu, là một mục tiêu giáo dục đạo đức; nội dung mỗi bài là tiêu chí giúp GVCN theo dõi, nhận xét, điều chỉnh trong quá trình giáo dục. Ví dụ, muốn đánh giá HS tiểu học có ý thức, hành vi tiết kiệm hay không thì các bài môn Đạo đức đã đưa ra các chuẩn hành vi: biết tiết kiệm “tiền bạc”, “thời gian”, “tiết kiệm điện”, “tiết kiệm nước sạch”... Về thái độ xem HS có ý thức tiết kiệm như thế nào thì quan sát và tham khảo ý kiến của tập thể HS, của cha mẹ, bạn bè, cộng đồng để nhận xét: Có tự giác không? Có thường xuyên thực hiện không? Có nhắc nhở bạn bè, có xúc cảm (vui buồn) và chia sẻ với bạn bè, người xung quanh không?...

Có thể nói đổi mới giáo dục từ năm 2000 thì mục tiêu giáo dục đạo đức, nhân cách HS cấp tiểu học được thể hiện trong môn Đạo đức, vì vậy cơ sở để đánh giá giáo dục hạnh kiểm HS phải căn cứ vào nội dung, mục tiêu môn Đạo đức; ở THCS và THPT được thể hiện trong môn Giáo dục công dân và các chủ đề hoạt động hằng tháng.

Đánh giá hành vi thái độ đạo đức của HS tiểu học cần xem xét quan hệ hoạt động của các em ở 5 quan hệ (quan hệ với bản thân, quan hệ ở gia đình, quan hệ ở nhà trường, quan hệ cộng đồng xã hội, với người khác: người lớn, trẻ em, người già, người khó khăn...) và thái độ hành vi đối với môi trường sống (môi trường tự nhiên, môi trường văn hoá - xã hội...).

Đánh giá giáo dục toàn diện HS tiểu học là một yêu cầu xuất phát từ mục tiêu giáo dục tiểu học giai đoạn công nghiệp hoá – hiện đại hoá. Vì vậy GVCN cần phải theo dõi nhận xét cả về sức khoẻ, thẩm mỹ, các kĩ năng cảm thụ cái đẹp ở HS để có biện pháp bồi dưỡng, phối hợp với các tổ

chức xã hội nâng cao hiệu quả giáo dục, dạy học, thông qua phát hiện của GVCN và tư vấn của GVCN, gia đình và xã hội có cơ sở bồi dưỡng năng khiếu cho HS.

Không ít thầy cô giáo chủ nhiệm, nhờ phát hiện kịp thời những hiện tượng đặc biệt của HS mà góp phần phòng ngừa được bệnh tật, các biểu hiện hành vi lệch chuẩn và phát hiện những tài năng ở các em để tổ chức bồi dưỡng.

Đánh giá quá trình giáo dục, rèn luyện toàn diện HS tiểu học cần so sánh với mục tiêu giáo dục tiểu học, đồng thời cần phải thấy quá trình phát triển của từng HS để động viên kịp thời; tạo ra động cơ, động lực học tập rèn luyện ở mỗi em là mục đích của kiểm tra, đánh giá và đó mới là nhiệm vụ và trách nhiệm của GVCN.

6. Nhiệm vụ 6: Tự hoàn thiện phẩm chất và năng lực của người GVCN

GVCN đòi hỏi phải có phẩm chất và năng lực tổng hợp của một thầy cô giáo, của một người làm cha mẹ và của một cán bộ quản lý giáo dục; GVCN vừa là nhà tâm lý học, nhà giáo dục, nhà hoạt động xã hội và nhà nghệ thuật... Vì vậy, để thực hiện những nhiệm vụ của người chủ nhiệm lớp, đòi hỏi GVCN (nhất là GVCN ở tiểu học) phải có sự hiểu biết toàn diện nhiều lĩnh vực, có những năng lực chung, năng lực sư phạm và đặc biệt có những phẩm chất đặc biệt của người cha, người mẹ... Những lĩnh vực GVCN ở tiểu học cần rèn luyện sẽ trình bày ở Hoạt động 3.

3. NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG 2

1. Sự giống nhau và khác nhau giữa chức năng quản lý của GVCN với hiệu trưởng (quan tâm tới giáo dục tiểu học). Vì sao gọi GVCN là “Hiệu trưởng không có dấu son” hay “Hiệu trưởng nhỏ”?

2. Nêu 6 nhiệm vụ của GVCN ở tiểu học. Phân tích mối quan hệ giữa 6 nhiệm vụ của người GVCN ở tiểu học. Những nội dung hoạt động của GVCN ở tiểu học hiện nay có gì khác so với trước đây?

3. Liên hệ với thực tế của trường, đánh giá bản thân và nhà trường đã thực hiện những nội dung nào tốt, những nội dung nào còn cần đổi mới.

4. Hãy viết một báo cáo kinh nghiệm về ý nghĩa của việc hiểu thấu đáo mục tiêu giáo dục đối với GVCN ở tiểu học, hoặc một vấn đề nào đó thấy cần đổi mới.

Hoạt động 3. Xác định những yêu cầu đối với giáo viên chủ nhiệm lớp ở tiểu học (hay mô hình nhân cách giáo viên chủ nhiệm lớp ở tiểu học)

1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 3

Xuất phát từ chức năng, nhiệm vụ của GVCN trong giai đoạn hiện nay (trình bày ở Hoạt động 2), người học tự xác định được những yêu cầu học tập, rèn luyện.

2. THÔNG TIN CƠ BẢN

Những yêu cầu cần rèn luyện đối với GVCN tiểu học nói riêng, GVCN trường phổ thông nói chung:

* Yêu cầu chung với GVCN:

- **Phải có TRÍ:** Không chỉ là kiến thức môn học mà GV còn cần kiến thức, nghệ thuật giáo dục, về quản lý giáo dục, về các kiến thức khoa học xã hội, nhân văn và chính trị. Phải có kiến thức thực tế, cập nhật với kiến thức mới, hiện đại. Giáo dục đạo đức cho HS thông qua các hoạt động dạy học, phải biết tổ chức cho HS nhận thức giá trị của cuộc sống, giúp các em phát triển toàn diện theo mục tiêu giáo dục tiểu học.
- **Phải có TÂM:** Là hệ thống các giá trị nhân cách, “tâm” còn là lí tưởng nghề nghiệp (đam mê với nghề), là phẩm chất tâm lí (ý chí, nghị lực, sự bình tĩnh, tự kiểm chế, năng động, sáng tạo), là cuộc sống tâm hồn, sống lạc quan, yêu đời, sống mẫu mực, nhất quán giữa lời nói và việc làm, gương mẫu trong nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học, lối sống trong sáng, vị tha, luôn sống hướng tới chân, thiện, mỹ...
- **Phải có TÂM:** Tâm là phương pháp luận giải quyết biện chứng các sự kiện, hiện tượng giáo dục, là tư duy tổ chức giáo dục theo một hệ thống viễn cảnh (từ gần đến trung bình và xa) để từng bước đạt được mục tiêu của giáo dục. Tâm là biết thiết kế toàn diện, biết xây dựng kế hoạch làm công tác giáo dục HS, biết tư vấn, bồi dưỡng các loại HS, biết tự rèn luyện, hoàn thiện nhân cách GVCN để có đủ năng lực, phẩm chất, trình độ và đam mê làm công tác giáo dục...

* Những yêu cầu cụ thể với GVCN tiểu học:

1. Cần có một hệ thống kiến thức nhiều lĩnh vực

- *Hiểu sâu sắc vị trí, vai trò của giáo dục trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội thời kỳ công nghiệp hoá - hiện đại hoá.*
- *Hiểu sâu sắc, vị trí, ý nghĩa của giáo dục tiểu học* (nắm vững mục tiêu, nội dung chương trình giáo dục tiểu học từ lớp 1 đến lớp 5).
- *Có những kiến thức về tâm lí học* (đặc biệt tâm lí học lứa tuổi HS tiểu học, tâm lí học hoạt động...).
- *Có những hiểu biết về thời sự, chính trị* (đường lối, quan điểm của Đảng và Nhà nước về giáo dục, về sự phát triển kinh tế - xã hội và tình hình thế giới, các lĩnh vực khoa học, văn hoá - xã hội (lịch sử, địa lí, âm nhạc, hội

hoạ, thể dục thể thao, ngoại ngữ, tin học...) phục vụ cho giáo dục tiểu học và để làm công tác chủ nhiệm.

2. Những kĩ năng tổ chức hoạt động giáo dục tiểu học

- Kĩ năng phân tích hệ thống mục tiêu giáo dục tiểu học trong hệ thống giáo dục phổ thông và giáo dục Việt Nam thời kì công nghiệp hoá – hiện đại hoá.
- Những kĩ năng phân tích đặc điểm HS (hiểu cơ sở phân loại, xác định tiêu chí phân loại, xây dựng công cụ (test) để đo đạc, phân loại).
- Phân tích nguồn lực xã hội và sử dụng nguồn lực xã hội và gia đình (về nguồn lực người, cơ sở vật chất, cơ sở văn hoá, di sản văn hoá, truyền thông...).
- Sử dụng và kết hợp các phương pháp giáo dục.
- Kĩ năng sử dụng ngôn ngữ.
- Kĩ năng điều khiển và điều chỉnh kế hoạch hoạt động.
- Kĩ năng tổ chức các cuộc thi, giải quyết tình huống sư phạm.
- Giáo dục HS đặc biệt (giỏi, kém, HS thiệt thòi).
- Kĩ năng kiểm tra đánh giá hiệu quả giáo dục HS tiểu học.
- v.v...

3. Kĩ năng vận động các lực lượng xã hội và gia đình thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học

- Có kĩ năng phân tích các quy luật, nguyên tắc giáo dục.
- Phân tích được các yếu tố chi phối các hoạt động giáo dục, các quan hệ giáo dục.
- Kĩ năng xem, vẽ bản đồ, sơ đồ thiết lập các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động giáo dục.
- Kĩ năng nghiên cứu khoa học giáo dục.
- Lập kế hoạch sử dụng các lực lượng giáo dục.
- Thuyết phục các lực lượng xã hội.
- Kĩ năng tổ chức, điều chỉnh các lực lượng xã hội theo yêu cầu mục tiêu giáo dục.

4. Kĩ năng tổ chức hoạt động dạy học

GVCN, muốn thực hiện tốt công tác chủ nhiệm, nhất thiết phải là một thầy cô giáo giảng dạy tốt; vì vậy GVCN vẫn phải có những kĩ năng tổ chức hoạt động dạy học như các GV khác. [3, Tr.88–102]

5. GVCN phải có những phẩm chất của một nhà sư phạm của giáo dục tiểu học - như người cha, mẹ

- Yêu thương con người - yêu thương, chăm lo tới HS như những người làm cha, làm mẹ.
- Yêu nghề
- Khoan dung
- Công bằng
- Biết tự trọng, trọng danh dự
- Sóng lành mạnh, trong sáng
- Mẫn mẫn trong công việc và cuộc sống
- Cởi mở, hồn nhiên
- Khiêm tốn, học hỏi
- Có chí tiến thủ
- Nỗ lực học tập, rèn luyện thường xuyên
- Tôn trọng các giá trị văn hoá
- v.v...

3. NHIỆM VỤ HOẠT ĐỘNG 3

Học xong module, học viên tự vạch kế hoạch rèn luyện, tu dưỡng, học tập theo yêu cầu của GVCN.

Hoạt động 4. Xây dựng kế hoạch tự hoàn thiện cá nhân

1. MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG 4

Mong muốn mỗi GVCN thấy trách nhiệm, xác định rõ vị trí, vai trò của bản thân; mỗi người tự thấy cần phải học tập, rèn luyện thường xuyên và có ý chí, có năng lực tự hoàn thiện bản thân toàn diện.

2. ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG 4

1. Kế hoạch, nội dung tự bồi dưỡng của bạn:

Những yêu cầu với GVCN ở tiểu học	Mức độ hiện nay của bản thân			Thời gian dự kiến bồi dưỡng (năm)
	Tốt	Trung bình	Còn yếu	
- Về nhận thức.....				
- Về kiến thức.....				
- Về kĩ năng, năng lực.....				
- Về phẩm chất đạo đức, tư tưởng lối sống của người GV (GVCN).....				

2. Những kiến nghị:

- Với Trường (Hiệu trưởng):

– Với Phòng và Sở giáo dục và Đào tạo:

– Với Bộ giáo dục và Đào tạo:

Giải thích nội dung của kế hoạch:

- *Về nhận thức:* Là nhận thức về đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; hiểu biết về đường lối phát triển kinh tế - xã hội, đối nội, đối ngoại; hiểu về phương hướng phát triển giáo dục; nhận thức về trách nhiệm, nhiệm vụ của người GV trong giai đoạn hiện nay.
- *Về kiến thức:* Căn cứ vào Hoạt động 2, Hoạt động 3 để xác định đúng mục tiêu cần phải phấn đấu và xác định đúng những yêu cầu cần phải rèn luyện, phải học tập về tất cả các lĩnh vực... và biết xác định mức độ cần hoàn thiện từng bước.
- *Về kĩ năng và năng lực:* Phải căn cứ vào 9 năng lực, trên cơ sở đó xác định hệ thống kĩ năng cụ thể cần rèn luyện để từng bước có kế hoạch rèn luyện: *Ví dụ:* Năng lực sư phạm hiện nay cần đối với mỗi GV nói chung và GVCN nói riêng phải gồm 4 hệ thống kĩ năng trong đó có gần 200 kĩ năng, đó là hệ thống kĩ năng tự hoàn thiện nhân cách GVCN; Hệ thống kĩ năng tổ chức dạy học; Hệ thống kĩ năng tổ chức GDHS và Hệ thống kĩ năng tổ chức phối hợp các lực lượng giáo dục xã hội.
- *Rèn luyện về đạo đức lối sống:* Đòi hỏi mỗi GVCN phải thật nghiêm khắc với bản thân để tự rèn luyện, GVCN thực sự là một tấm gương trong sáng, mẫu mực ở mọi lúc, mọi nơi. Riêng việc rèn luyện đạo đức, lối sống đòi hỏi GVCN phải thường xuyên, liên tục. Muốn xác định kế hoạch rèn luyện đạo đức lối sống phải căn cứ vào những yêu cầu đối với GV tiểu học và GVCN ở tiểu học.
- *Những khuyến nghị, kiến nghị:* Yêu cầu đầu tiên không phải là để kiến nghị với các cấp quản lí, mà mục tiêu chính trong bản một kế hoạch tự hoàn thiện cá nhân là để lường trước những khó khăn, những bất hợp lí để mỗi người cố gắng chấp nhận để tồn tại, để phát triển.



D. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Luật Giáo dục*, 2005.
2. Phạm Minh Hạc – Nguyễn Khoa Điềm (Chủ biên), *Về phát triển văn hoá và xây dựng con người thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, NXB Chính trị Quốc gia, 2003.
3. Hà Nhật Thăng (Chủ biên), *Sổ tay công tác chủ nhiệm lớp*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
4. Hà Nhật Thăng, *Rèn luyện kỹ năng sư phạm*, NXB Giáo dục Việt Nam, 2010.
5. Hà Nhật Thăng, *Công tác GVCN lớp*, NXB Giáo dục Việt Nam, tái bản lần thứ sáu năm 2009.
6. Hà Nhật Thăng (Chủ biên), *Phương pháp công tác của người GVCN ở trường THPT*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tái bản lần thứ ba năm 2004.
7. Hà Nhật Thăng – Đào Thanh Âm, *Lịch sử giáo dục thế giới*, NXB Giáo dục, 1998.

